



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
VIỆN CHIẾN LƯỢC NGÂN HÀNG

BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 7 NĂM 2024



Hà Nội, tháng 8 năm 2024

Kinh tế vĩ mô tháng 7 năm 2024: Những điểm nổi bật

Những điểm nổi bật của kinh tế, giá cả, tài chính tiền tệ quốc tế

- Các nền kinh tế chủ chốt đã xuất hiện những tín hiệu thiếu tích cực, đặc biệt là trong khu vực sản xuất;
- Đồng USD giảm 1,6% so với tháng trước; Các đồng tiền chủ chốt phần lớn đã tăng giá so với đồng USD; Giá vàng giao ngay trên thị trường quốc tế tăng 5,26% so với tháng trước;
- Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng điểm, chỉ số chứng khoán toàn cầu - MSCI ACWI ở mức 814,155 điểm, tăng 1,51% so với tháng trước.

Những điểm nổi bật của kinh tế trong nước

- Chỉ số sản xuất công nghiệp tiếp tục diễn biến tích cực, chỉ số IIP tháng Bảy ước tăng 0,7% so với tháng trước, tăng 11,2% so với cùng kỳ; Các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất được duy trì ổn định;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tiếp tục tăng so với cùng kỳ, tăng 1,4% nhờ sự đóng góp tích cực của ngành du lịch;
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN ước đạt 57,6 nghìn tỷ đồng, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước; Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ước đạt hơn 18 tỷ USD, tăng 10,9%;
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 59,72 tỷ USD, tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước; Cán cân thương mại trong tháng Bảy ước tính xuất siêu 2,12 tỷ USD;
- Chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,48% so với tháng trước, tăng 4,36% so với cùng kỳ năm trước; CPI bình quân tăng 4,12% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 2,73%;
- Lãi suất huy động tiếp tục tăng nhưng đã hạ nhiệt so với tháng trước; Tỷ giá USD/VND đã giảm so với tháng trước; Giá vàng đã tăng trở lại;
- Trên thị trường chứng khoán Việt Nam, chỉ số VN-Index đạt 1.251,51 điểm, tăng 0,5% so với tháng trước; chỉ số HNX-Index đạt 235,36 điểm, giảm 0,94%;
- Kho bạc Nhà nước huy động thành công 36.512 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu, đạt tỷ lệ 56,6%;
- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận 33 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, trị giá 31.387 tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chứng trị giá 395 tỷ đồng.

MỤC LỤC

I. KINH TẾ THẾ GIỚI	3
1. Các diễn biến kinh tế quan trọng	3
2. Diễn biến thị trường tài chính	7
II. KINH TẾ TRONG NƯỚC	10
1. Tăng trưởng kinh tế.....	10
2. Lạm phát.....	17
3. Thu chi ngân sách Nhà nước.....	20
4. Tình hình doanh nghiệp	20
5. Diễn biến thị trường tài chính	22

I. KINH TẾ THẾ GIỚI

1. Các diễn biến kinh tế quan trọng

Kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh mẽ trong quý II nhưng đã xuất hiện tín hiệu thiếu tích cực trong tháng 7

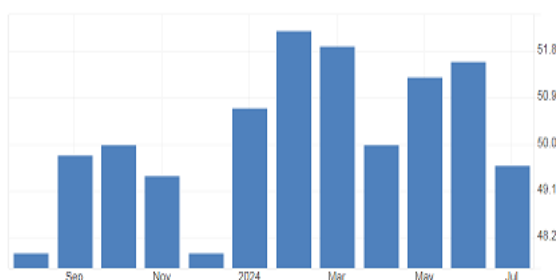
Kinh tế Mỹ đã tăng trưởng nhanh hơn dự kiến trong quý II, tăng khoảng 2,8% – cao hơn mức tăng trưởng 1,4% của quý I cũng như mức dự báo được đưa ra trước đó là 2%. Trong đó, tiêu dùng là động lực tăng trưởng chính, tiếp tục tăng nhanh ở mức 2,3%, chủ yếu được dẫn dắt từ nhu cầu tiêu dùng hàng hóa. Ngoài ra, đầu tư hàng tồn kho và đầu tư tài sản cố định cũng có đóng góp nhất định vào diễn biến tăng của GDP trong quý II/2024.

Bước sang tháng 7/2024, kinh tế Mỹ đã xuất hiện nhiều tín hiệu thiếu tích cực, cụ thể các hoạt động kinh tế trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đều có xu hướng giảm so với tháng 6/2024. Cụ thể, lĩnh vực dịch vụ mặc dù vẫn ghi nhận có thêm các hoạt động kinh doanh mới, nhưng chỉ số PMI đạt 55 điểm, giảm 0,3 điểm so với tháng trước. Trong khi đó, các điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa đã có tín hiệu giảm, chỉ số PMI trong lĩnh vực này lần đầu tiên rơi xuống ngưỡng thu hẹp kể từ đầu năm, đạt 49,6 điểm, thấp hơn dự báo ở mức 51,7 điểm và thấp hơn 2 điểm so với tháng trước. Các chỉ số thành phần trong lĩnh vực sản xuất như đơn hàng mới, hàng tồn kho, sản lượng, việc làm đều có diễn biến giảm. Đáng chú ý là giá cả hàng hóa đầu vào có xu hướng tăng nhanh trong cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ.

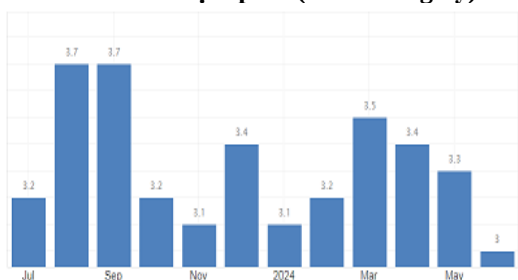
Bên cạnh đó, doanh thu bán lẻ theo tháng mới nhất đã có xu hướng đi ngang sau khi tăng 0,3%, diễn biến giảm chủ yếu xuất hiện trên các nhóm hàng xăng dầu, ô tô và các mặt hàng giải trí. Đồng thời, chỉ số niềm tin người tiêu dùng cũng giảm 1,8 điểm, đạt 66,4 điểm – mức thấp nhất trong 08 tháng vừa qua.

Lạm phát tại Mỹ đã giảm tháng thứ ba liên tiếp xuống 3% - mức thấp nhất kể từ tháng 6/2023. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ trong tháng bảy đã tăng lên 4,3% - cao nhất kể từ tháng 10/2021.

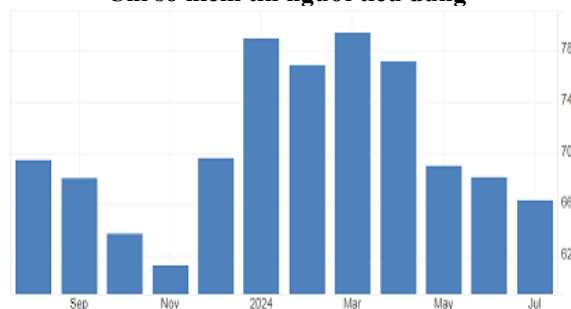
Chỉ số PMI sản xuất



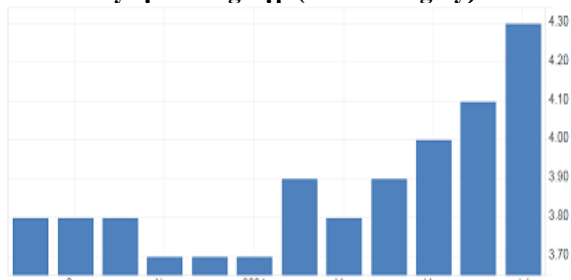
Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Chỉ số niềm tin người tiêu dùng



Tỷ lệ thất nghiệp (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

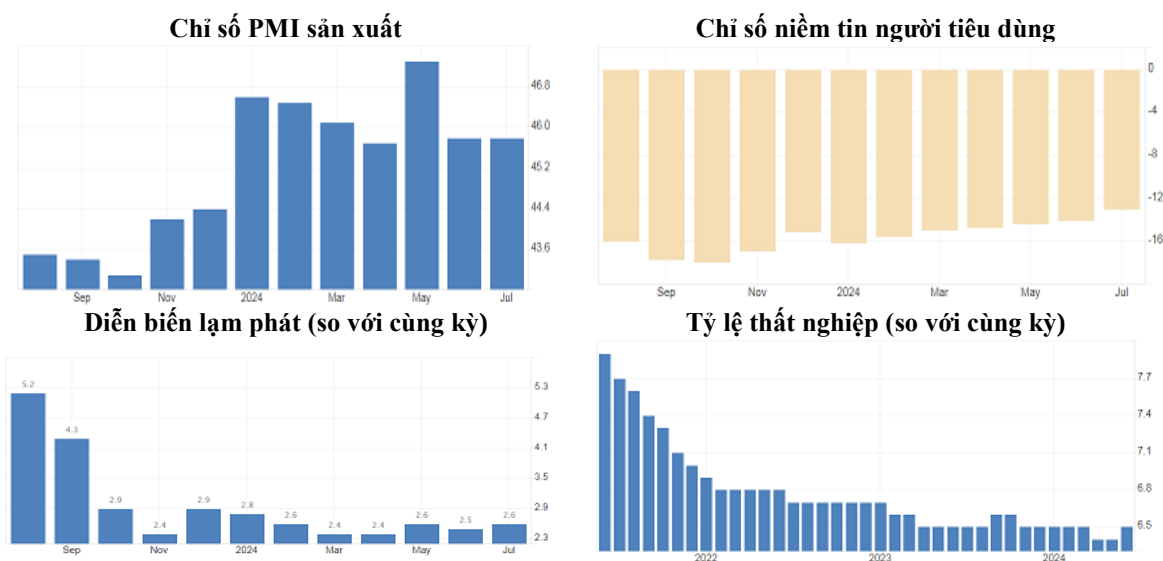
Kinh tế khu vực Châu Âu có xu hướng đi ngang trong quý II, tiếp tục xuất hiện các tín hiệu thiếu tích cực trong tháng 7

Tăng trưởng kinh tế khu vực Châu Âu tăng 0,3% trong quý II/2024 so với quý trước – tương đương với mức tăng trưởng đạt được trong quý I. Kinh tế đã có tín hiệu tăng trưởng trở lại khi nhu cầu có xu hướng hồi phục nhờ sự hạ nhiệt của lạm phát. Tuy nhiên, tốc độ hồi phục không diễn ra đồng đều, trong nhóm các nền kinh tế lớn, Pháp và Tây Ban Nha có được diễn biến khá ổn định trong khi Ý lại có diễn biến thấp hơn quý trước, đáng lo ngại nhất là xu hướng đình trệ của Đức.

Các hoạt động kinh tế của khu vực đồng tiền chung Châu Âu đã có tín hiệu giảm nhẹ trong tháng 7/2024. Đáng chú ý là tình trạng thu hẹp trong lĩnh vực sản xuất tiếp tục kéo dài với tốc độ mạnh kể từ đầu năm. Chỉ số PMI của khu vực sản xuất ở mức 45,8 điểm vào tháng Bảy tương đương với mức độ cải thiện trong tháng Sáu. Đáng chú ý là các hoạt động kinh doanh mới gia nhập thị trường và lực lượng lao động đã giảm xuống mức lớn nhất kể từ tháng 1/2024. Bên cạnh đó, mặc dù khu vực dịch vụ vẫn duy trì được đà cải thiện nhưng mức độ đã giảm, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đã giảm xuống 51,9 điểm từ mức 52,8 điểm trong tháng 6/2024. Trong tháng bảy, cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ đều chứng kiến đà tăng của giá cả đầu vào trong khi giá cả đầu ra có xu hướng giảm nhẹ.

Bên cạnh đó, số liệu mới nhất cho thấy doanh số bán lẻ hàng hóa theo tháng đã giảm 0,3% sau khi có được tốc độ tăng trưởng 0,1% vào tháng trước. Diễn biến giảm xuất hiện chủ yếu trên các mặt hàng thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Mặc dù các tín hiệu giảm đã xuất hiện nhưng niềm tin người tiêu dùng trong khu vực tiếp tục được cải thiện so với tháng trước, chỉ số niềm tin người tiêu dùng hiện đạt -13 điểm. Niềm tin người tiêu dùng tiếp tục được củng cố trong bối cảnh các điều kiện tài chính đã được nói lỏng, quan ngại chính trị trong chiến dịch bầu cử tại Pháp đã hạ nhiệt.

Lạm phát của khu vực đồng tiền chung Châu Âu bất ngờ tăng lên 2,6% vào tháng bảy từ mức 2,5% trong tháng trước. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên 6,5%, cao hơn 0,1 điểm phần trăm so với tháng trước.



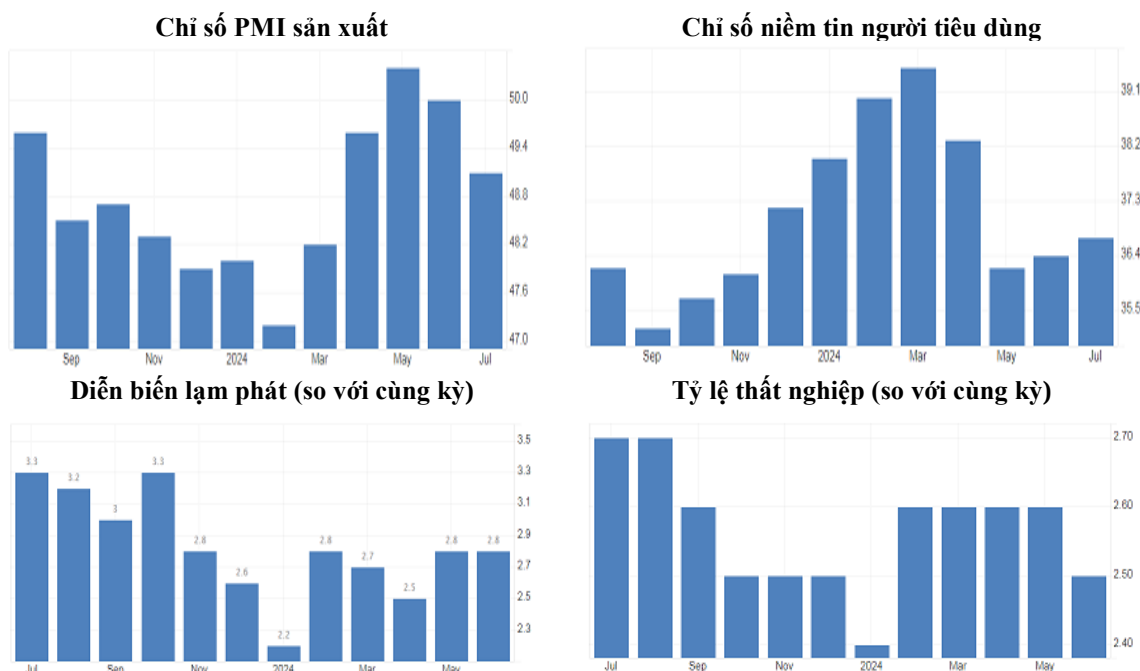
Nguồn: Trading economics

**Kinh tế
Nhật Bản
chưa đồng
đều**

Kinh tế Nhật Bản trong tháng bảy chứng kiến diễn biến không đồng đều trong các lĩnh vực kinh tế. Cụ thể hoạt động sản xuất quay trở lại trạng thái thu hẹp, chỉ số PMI trong lĩnh vực này đạt 49,1 điểm, giảm 0,9 điểm so với tháng trước – mức thu hẹp lần thứ năm kể từ đầu năm 2024. Theo đó, sản lượng hàng hóa đã giảm trở lại, đơn hàng mới giảm mạnh kể từ tháng hai, nhất là đơn hàng xuất khẩu, giá hàng hóa đầu vào tiếp tục tăng. Trong khi đó, các tín hiệu cải thiện mạnh mẽ đã xuất hiện trở lại trong lĩnh vực dịch vụ, chỉ số PMI đạt 53,7 điểm, tăng 4,3 điểm so với tháng trước, tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng của đơn hàng mới, nhất là đơn hàng trong nước. Giá cả hàng hóa đầu vào trong lĩnh vực dịch vụ tiếp tục tăng buộc các nhà sản xuất phải tăng giá hàng bán.

Doanh số bán lẻ hàng hóa theo tháng mới nhất đã tăng 0,6% so với tháng trước, tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, ghi nhận mức tăng mạnh trong lĩnh vực máy móc thiết bị, hàng hóa cá nhân, năng lượng,... Bên cạnh đó, niềm tin người tiêu dùng tiếp tục được cải thiện, chỉ số niềm tin người tiêu dùng hiện đạt 36,7 điểm – vượt qua dự báo của thị trường là 36,5 điểm.

Bên cạnh đó, theo số liệu mới nhất, hoạt động thương mại của Nhật Bản đã có sự tăng tốc, hoạt động xuất khẩu tăng trưởng mạnh hơn hoạt động nhập khẩu, cán cân thương mại đã thặng dư lần thứ hai kể từ đầu năm ở mức 224,04 tỷ JPY – diễn biến tốt hơn dự báo của thị trường. Hoạt động xuất khẩu được đẩy mạnh sang thị trường Mỹ và Trung Quốc.



Nguồn: Trading economics

**Kinh tế
Trung Quốc
tăng trưởng
chậm lại**

Tăng trưởng kinh tế trong quý II của Trung Quốc đã tăng 0,7% so với quý trước, tăng 4,7% so với cùng kỳ – thấp hơn mức tăng trưởng 5,3% trong quý I và thấp hơn dự báo của thị trường ở mức 5,1%. Kinh tế Trung Quốc hiện tiếp tục đối diện với những khó khăn nội tại như nhu cầu suy yếu, chi tiêu của khu vực tư nhân còn hạn chế, khó khăn của thị trường bất động sản kéo dài, nợ công gia tăng, ảnh hưởng biến đổi khí hậu. Ngoài ra, căng thẳng thương mại

leo thang cũng đặt ra những thách thức lớn cho hoạt động thương mại của Trung Quốc.

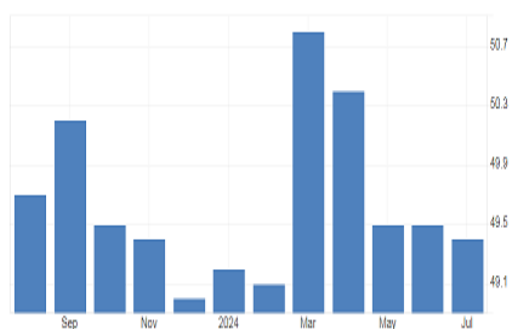
Kinh tế Trung Quốc trong tháng bảy chưa có thêm các tín hiệu tích cực. Cụ thể, khu vực sản xuất tiếp tục ở trạng thái thu hẹp, chỉ số PMI trong lĩnh vực này giảm nhẹ 0,1 điểm so với tháng trước, đạt 49,4 điểm. Trong đó, đơn hàng mới, hoạt động mua hàng, giá cả hàng hóa duy trì diễn biến giảm, hoạt động tuyển dụng lao động diễn biến yếu ớt. Bên cạnh đó, các hoạt động phi sản xuất vẫn duy trì đà mở rộng, tuy nhiên tốc độ đã giảm nhẹ, chỉ số PMI đã giảm xuống 50,2 điểm từ mức năm 50,5 điểm của tháng trước. Đáng chú ý là diễn biến giảm kéo dài của đơn hàng mới, nhất là đơn hàng xuất khẩu và xu hướng giảm kéo dài trong 10 tháng của giá bán hàng hóa mặc dù giá cả đầu vào đã tăng trong tháng bảy.

Ngoài ra, doanh thu bán lẻ hàng hóa trong nền kinh tế cũng có diễn biến chậm lại, số liệu mới nhất cho thấy hoạt động này đã suy giảm so với tháng trước, giảm 0,12%. Bên cạnh đó, niềm tin người tiêu dùng vẫn tiếp tục có xu hướng suy yếu.

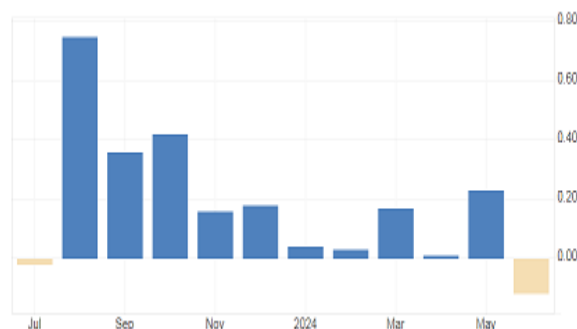
Số liệu thống kê mới nhất cho thấy thặng dư thương mại của Trung Quốc đạt 84,65 tỷ USD, trong đó, hoạt động xuất khẩu tăng 7% so với cùng kỳ năm trước, nhập khẩu tăng 7,2%, phục hồi từ mức giảm 2,3% trong tháng Sáu.

Lạm phát tại Trung Quốc đã tăng lên 0,5% vào tháng Bảy từ mức 0,2% trong tháng Sáu, vượt dự báo của thị trường là 0,3% và là mức tăng cao nhất kể từ tháng 2/2024, đồng thời là tháng thứ sáu ghi nhận đà tăng của lạm phát. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp không thay đổi so với tháng trước, hiện ở mức 5%.

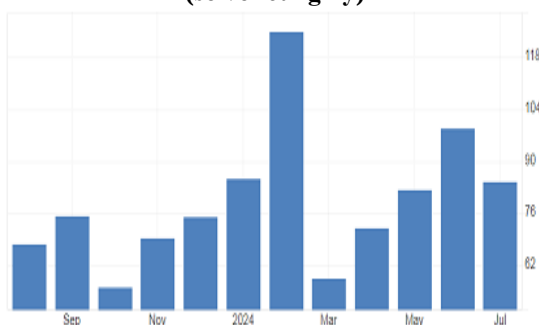
Chỉ số PMI sản xuất



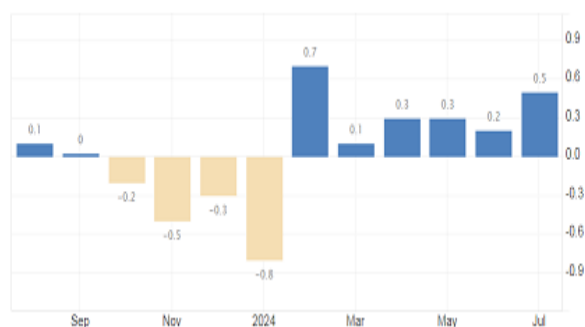
Doanh số bán lẻ hàng hóa (so với tháng trước)



Cán cân thương mại qua các tháng (so với cùng kỳ)



Diễn biến lạm phát (so với cùng kỳ)



Nguồn: Trading economics

Giá cả hàng hóa thế giới tiếp tục tăng nhẹ

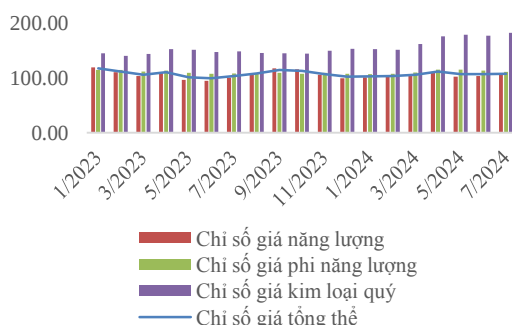
Trong tháng Bảy, theo thống kê của WB, chỉ số giá cả hàng hóa trên toàn cầu tăng nhẹ ở mức 0,57%, ghi nhận diễn biến trái chiều của các nhóm hàng, cụ thể:

+ Chỉ số giá của nhóm hàng năng lượng tăng 2,1%, chủ yếu do diễn biến tăng bình quân của giá dầu ở mức 2,5%, trong đó, giá dầu Brent bình quân tăng khoảng 3,3%, giá dầu WTI bình quân tăng khoảng 2,1%. Giá dầu giao dịch đã duy trì đà tăng khi nhu cầu tiêu thụ được kỳ vọng sẽ ấm lên khi kinh tế khởi sắc, căng thẳng địa chính trị gia tăng tại khu vực Trung Đông và khả năng không thay đổi sản lượng dầu cung ứng của khối OPEC+. Kết thúc tháng Bảy, giá dầu WTI và dầu Brent giao ngay là 79,14 USD/thùng và 81,46 USD/thùng.

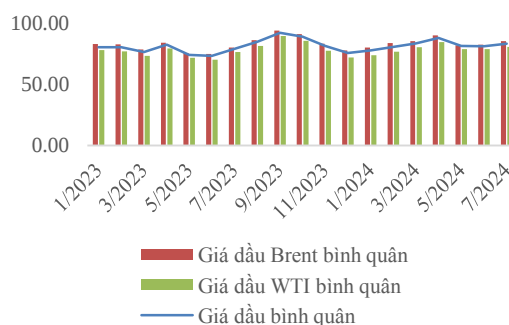
+ Chỉ số giá của nhóm hàng phi năng lượng đã giảm 2,3%, trong đó, ghi nhận đà giảm mạnh của nhóm đồ uống, giảm 5,63% và của nhóm kim loại ở mức 3,42%, đáng chú ý là diễn biến giảm của nhiều kim loại sản xuất như nhôm, đồng, nickel với mức giảm dao động trong khoảng 2,7% – 6,6%. Đồng thời, chỉ số của nhóm hàng thực phẩm, nhất là ngũ cốc và nhóm hàng nhiên liệu thô cũng giảm lần lượt là 1,08% và 0,63%.

Bên cạnh đó, chỉ số giá của nhóm hàng phân bón và kim loại quý tiếp tục có diễn biến tăng, lần lượt tăng ở mức 1,8% và 2,7%. Trong nhóm hàng kim loại quý, ghi nhận diễn biến tăng của giá vàng và bạc trong khi giá bình quân giao dịch của platinum giảm hơn 0,6%.

Diễn biến chỉ số giá hàng hóa



Diễn biến giá dầu bình quân



Nguồn: worldbank.org

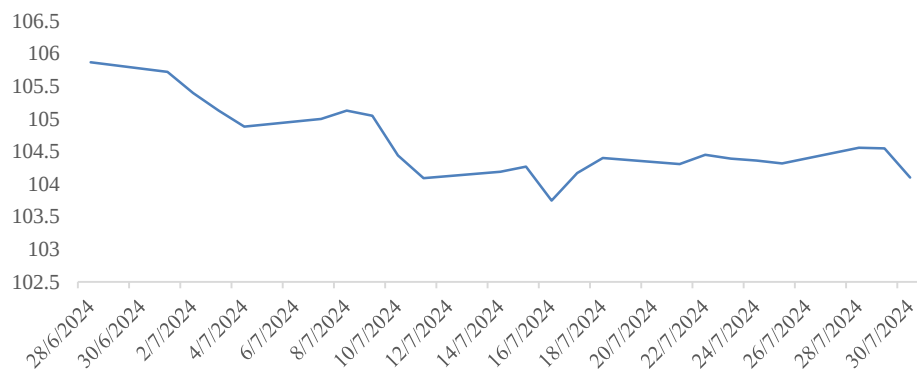
2. Diễn biến thị trường tài chính

Sức nóng của đồng bạc xanh trên thị trường đã hạ nhiệt. Đồng JPY tăng giá mạnh nhất kể từ đầu năm

Đồng USD đã có diễn biến hạ nhiệt trong tháng Bảy trên thị trường giao dịch quốc tế, xu hướng của đồng USD trong tháng chịu tác động đáng kể từ kỳ vọng điều hành CSTT của Fed và diễn biến bầu cử đang diễn ra tại nước Mỹ, chỉ số USD giao ngay đã giảm 1,6% - tháng giảm thứ hai kể từ đầu năm. Trước đà suy yếu của đồng bạc xanh và một số diễn biến thuận lợi của kinh tế trong nước như lạm phát, tăng cường thêm các chính sách hỗ trợ kinh tế của Chính phủ,... nhiều đồng tiền mạnh khác đã có diễn biến tăng trở lại. Cụ thể đồng EUR, đồng GBP đã tăng lần lượt là 1,05% và 1,7%; đồng CNY đã có tháng tăng đầu tiên kể từ đầu năm, tăng 0,66%. Đáng chú ý là đà tăng mạnh trở lại của đồng JPY ở mức 6,75%, trước các động thái chính sách hỗ trợ và tăng lãi suất điều hành của BOJ. Kết

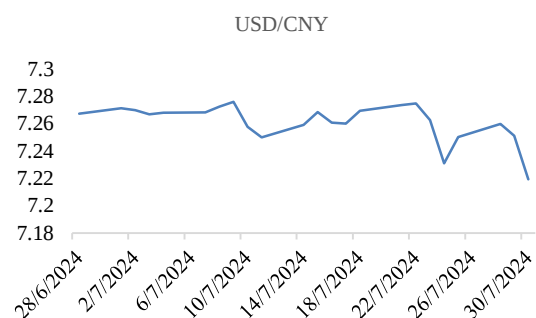
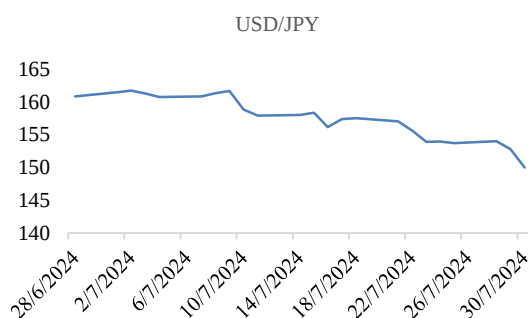
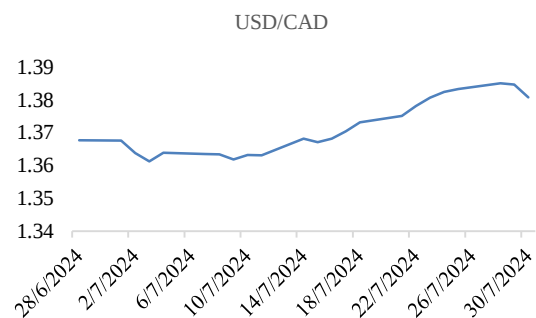
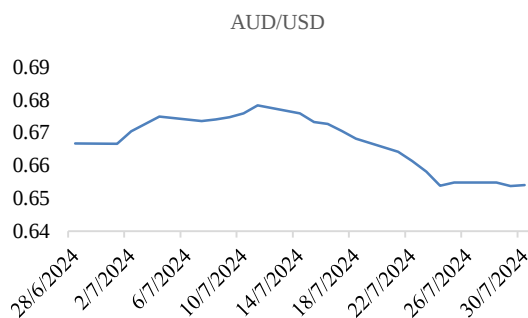
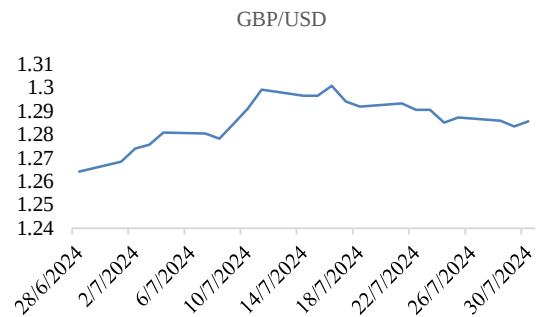
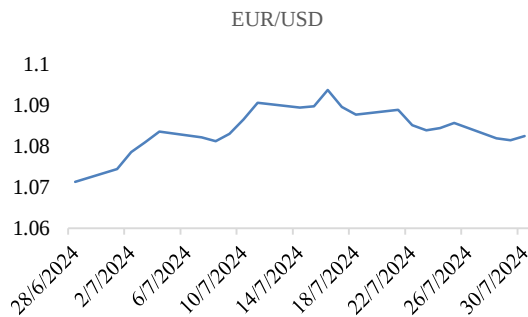
thứ tháng Bảy, chỉ số USD index giao ngay chốt giao dịch ở mức 104,1; EUR/USD giao dịch ở mức 1.0825; GBP/USD chốt giao dịch ở mức 1.2856; USD/CNY chốt giao dịch ở mức 7.2193; USD/JPY giao dịch ở mức 149,98.

Diễn biến chỉ số USD



Nguồn: investing.com

Diễn biến tỷ giá của các đồng tiền mạnh



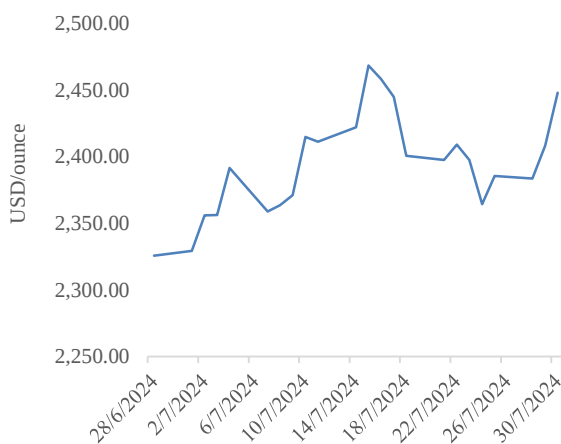
Nguồn: investing.com

Giá vàng tăng mạnh tháng thứ hai

Giá vàng đã tăng mạnh trở lại trong tháng Bảy, sau khi giảm nhẹ vào tháng trước, giá vàng giao ngay và kỳ hạn đã tăng lần lượt là 5,26% và 5,7% - mức tăng theo tháng cao kể từ đầu năm. Diễn biến của giá vàng tiếp tục được hỗ trợ bởi kỳ vọng giảm lãi suất của Fed, tình hình căng thẳng địa chính trị, nhu cầu mua vàng của NHTW các nước. Trong tháng Bảy, giá vàng cũng đã thiết lập mức giá giao dịch cao mới trên 2,400 USD/ounce. Kết thúc tháng, giá vàng giao ngay và kỳ hạn giao dịch lần lượt ở mức 2,448 USD/ounce và 2,473 USD/ounce.

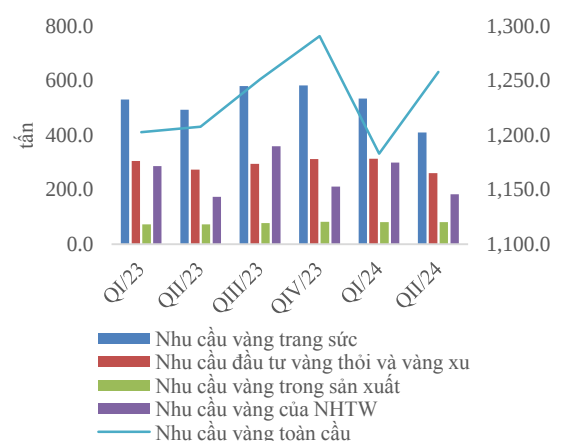
Theo báo cáo của Hội đồng vàng thế giới, giá vàng đã giao dịch khá cao trong quý II/2024, giá giao dịch bình quân là 2,338 USD/ounce, tăng 18% so với cùng kỳ và tăng 13% so với quý trước. Nhu cầu vàng (bao gồm cả nhu cầu trên thị trường OTC) đã tăng 4% so với cùng kỳ, nhu cầu đầu tư vàng trên thị trường OTC và nhu cầu mua vàng của NHTW là động lực chính dẫn dắt đà tăng của giá vàng trong quý II.

Diễn biến giá vàng thế giới



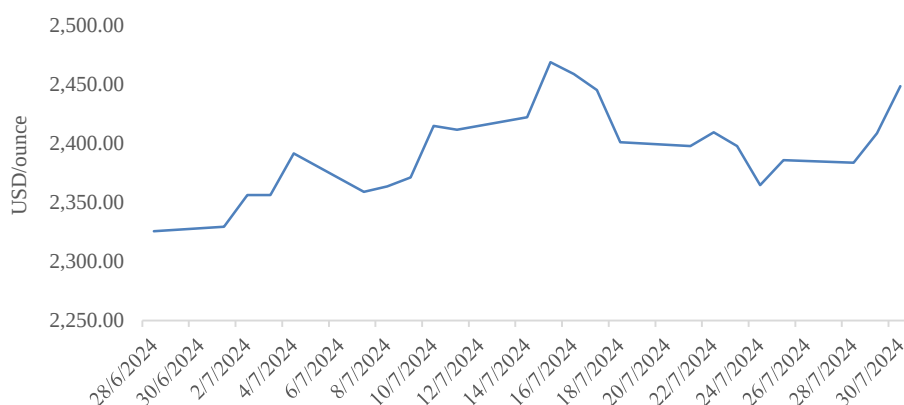
Nguồn: investing.com

Nhu cầu vàng thế giới theo quý (2023-2024)



Nguồn: gold.org

Diễn biến giá vàng thế giới



Nguồn: investing.com

Thị trường chứng khoán toàn cầu

Thị trường chứng khoán

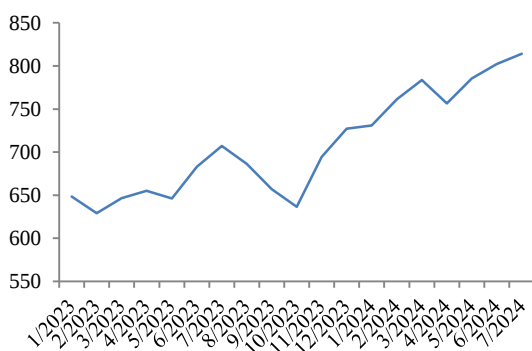
Thị trường chứng khoán toàn cầu đã có diễn biến tăng điểm trong tháng Bảy, chỉ số MSCI ACWI đã tăng 1,51% so với tháng trước, đạt 814,155 điểm. Tuy nhiên

toàn cầu
tăng
điểm

diễn biến tăng điểm không diễn ra đồng đều trên các thị trường, cụ thể:

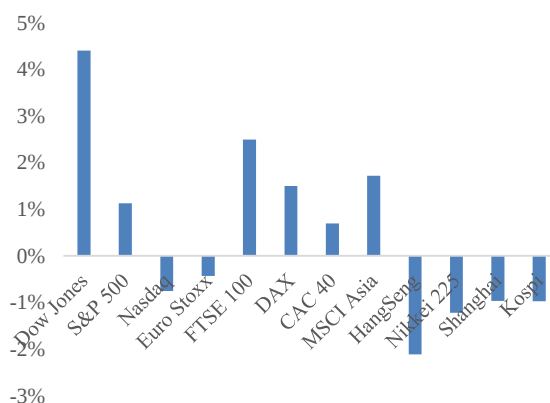
- Thị trường chứng khoán Mỹ kết thúc tháng Bảy ghi nhận diễn biến tăng của 02 chỉ số Dow Jones và chỉ số S&P 500 lần lượt tăng 4,41% và 1,13% trong khi chỉ số công nghệ Nasdaq Composite giảm 0,75%. Diễn biến của thị trường bên cạnh việc tiếp tục chịu tác động của các chỉ số kinh tế vĩ mô và các quyết định chính sách của Fed còn chịu ảnh hưởng từ việc thay đổi danh mục của các nhà đầu tư, nhất là các cổ phiếu trong lĩnh vực công nghệ sang các lĩnh vực kinh doanh mang tính chu kỳ.
- Tại Châu Âu, các chỉ số chứng khoán chủ chốt nhìn chung đều có diễn biến tăng điểm, ngoại trừ chỉ số Euro Stoxx 50 giảm 0,43%. Tại Anh, chỉ số FTSE 100 đã tăng 2,5%, chỉ số DAX của Đức tăng 1,5% và chỉ số CAC 40 của Pháp tăng 0,7%. Các diễn biến chính trị tại khu vực và kết quả kinh tế quan trọng tiếp tục có ảnh hưởng nhất định đến xu hướng của các thị trường trong khu vực.
- Thị trường chứng khoán Châu Á cũng có diễn biến tích cực, chỉ số MSCI Châu Á – Thái Bình Dương đã tăng 1,72% so với tháng trước. Trong đó, được đóng góp chủ yếu bởi đà tăng của các thị trường chứng khoán tại khu vực Đông Nam Á, trong khi chỉ số của các thị trường chứng khoán chủ chốt khác trong khu vực lại có diễn biến giảm, cụ thể chỉ số HangSeng của Hồng Kông giảm 2,11%; chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản giảm 1,22%; chỉ số Shanghai của Trung Quốc và chỉ số KOSPI của Hàn Quốc cùng giảm 0,97%. Trong tháng, các thị trường tại khu vực Châu Á bị tác động mạnh bởi các quyết định chính sách của NHTW các nước lớn, nhất là chính sách của BOJ, BPOC cũng như diễn biến kinh tế của khu vực.

Diễn biến chỉ số MSCI ACWI
giai đoạn 1/2023 – 7/2024



Nguồn: msci.com

Mức độ biến động của các chỉ số
chứng khoán chủ chốt



Nguồn: Bloomberg

II. KINH TẾ TRONG NƯỚC

1. Tăng trưởng kinh tế

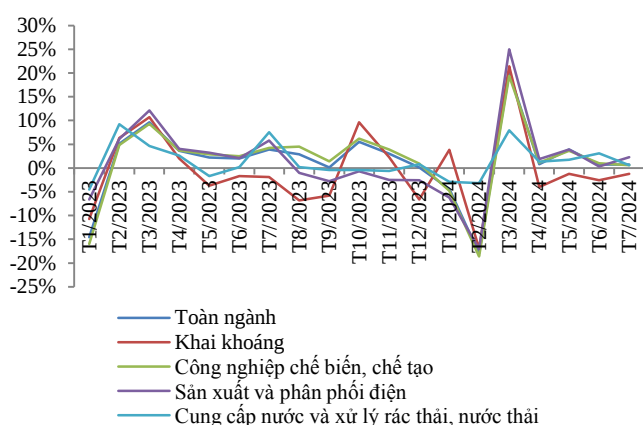
Sản xuất
công nghiệp
tiếp tục diễn
biến tích
cực

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp - IIP trong tháng 7/2024 ước tính tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 11,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 13,3%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,9%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 12,1% và ngành khai khoáng đã giảm 7%;

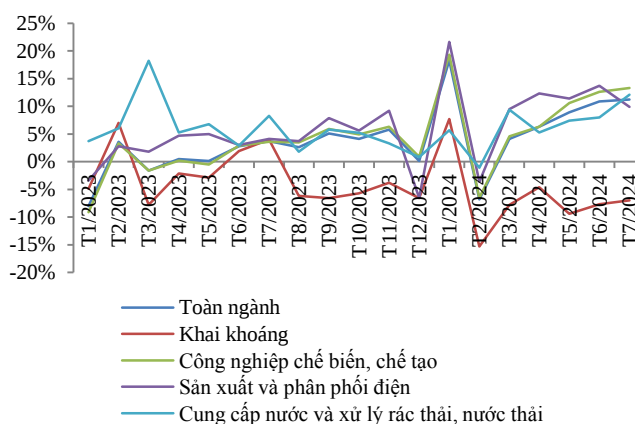
Tính chung bảy tháng, IIP ước tính tăng 8,5% so với cùng kỳ năm 2023¹. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,5%², đóng góp 8,2 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12,4%³, đóng góp 1,1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,2%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng giảm 6,2% - cao hơn mức giảm 2% của cùng kỳ năm ngoái, làm giảm 0,9 điểm phần trăm.

Trên cả nước, chỉ số IIP trong bảy tháng so với cùng kỳ năm trước đã tăng ở 60 địa phương và giảm ở 03 địa phương. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao⁴. Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP giảm do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện giảm⁵.

Diễn biến IIP so với tháng trước



Diễn biến IIP so với cùng kỳ



Nguồn: TCTK

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành trọng điểm có chỉ số sản xuất bảy tháng tăng cao so với cùng kỳ năm trước như sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 28,7%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế tăng 21,5%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 17,3%; khai thác quặng kim loại tăng 15,0%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 13,0%; sản xuất kim loại tăng 12,8%; sản xuất thiết bị điện tăng 12,5%; dệt và sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí cùng tăng 12,4%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 11,1%. Ở chiều ngược lại, chỉ số IIP của một số ngành giảm như khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 12,4%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị giảm

¹ Chỉ số IIP bảy tháng năm 2023 giảm 0,8%

² Chỉ số IIP trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo cùng kỳ năm 2023 giảm 1,2%

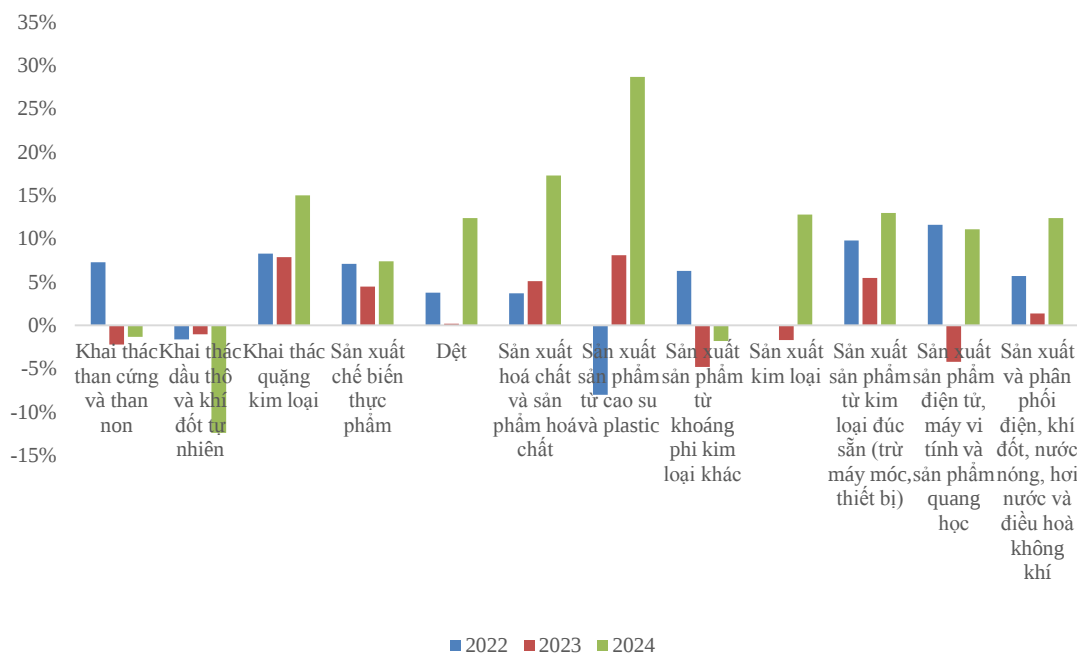
³ Chỉ số IIP trong lĩnh vực sản xuất và phân phối điện cùng kỳ năm 2023 tăng 1,4%

⁴ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước tăng cao là: Lai Châu tăng 43,1%; Phú Thọ tăng 38,4%; Bắc Giang tăng 27,5%; Bình Phước tăng 17,1%; Thanh Hóa tăng 15,1%; Điện Biên tăng 8,8%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện tăng cao: Khánh Hòa tăng 258,5%; Lai Châu tăng 66,4%; Cao Bằng tăng 62,1%; Điện Biên tăng 51,8%; Sơn La tăng 35,2%; Thanh Hóa tăng 33%; Phú Thọ tăng 15,3%.

⁵ Địa phương có chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước giảm là: Hà Tĩnh giảm 8%; Quảng Ngãi giảm 4,2%. Địa phương có chỉ số của ngành sản xuất và phân phối điện bảy tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước giảm: Quảng Ngãi giảm 16,9%; Thừa Thiên - Huế giảm 16,1%; Lạng Sơn giảm 15,5%; Lâm Đồng giảm 5,6%; Gia Lai giảm 3,6%. Địa phương có chỉ số sản xuất ngành khai khoáng giảm: Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 14,3%; Lâm Đồng giảm 8,6%; Quảng Trị giảm 4,7%; Lạng Sơn giảm 3%; Thừa Thiên - Huế giảm 1,6%.

2,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 1,8%; khai thác than cứng và than non giảm 1,3%.

Diễn biến của các nhóm ngành công nghiệp trọng điểm (2022 – nay)



Nguồn: TCTK

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/7/2024 tăng 0,9% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 3,3% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và tăng 1,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,5% và tăng 0,7%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,2% và tăng 4,3%.

Mức độ cải thiện của ngành sản xuất được duy trì so với tháng trước

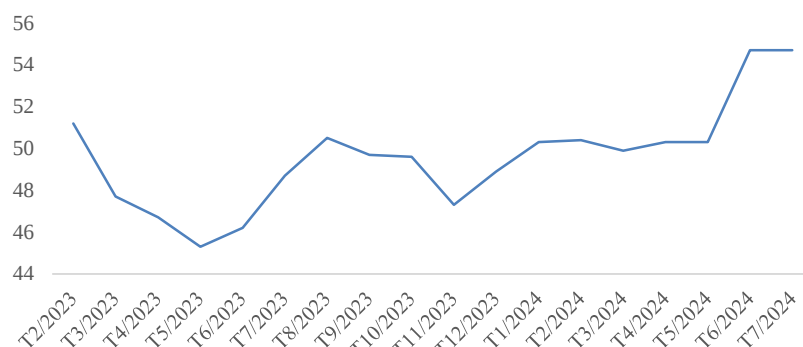
Trong tháng 7/2024, chỉ số PMI ngành sản xuất của Việt Nam đạt 54,7 điểm – duy trì mức tăng trưởng mạnh trong tháng 6/2024. Sự cải thiện được ghi nhận trên các lĩnh vực sản xuất hàng hóa, cụ thể:

- + Số lượng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng tháng thứ tư liên tiếp, mặc dù tốc độ tăng đã thấp hơn tháng trước. Xu hướng tăng của đơn hàng mới được hỗ trợ bởi nhu cầu và lượng khách hàng gia tăng. Số lượng đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục giữ được xu hướng tăng so với tháng trước.
- + Sản lượng hàng hóa sản xuất tăng mạnh trong tháng Bảy với tốc độ cao hơn tháng sáu, mức tăng cao trong thời gian gần đây.
- + Hoạt động mua hàng và tuyển dụng nhân sự tiếp tục tăng, trong đó hoạt động mua hàng hóa đầu vào đã tăng nhanh nhất kể từ đầu năm.
- + Tồn kho thành phẩm và tồn kho hàng mua đều giảm mạnh khi đơn hàng mới tăng và việc mua bán nguyên vật liệu đầu vào đã thuận lợi hơn.
- + Chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh trong tháng Bảy, chủ yếu do giá nguyên vật liệu và chi phí vận tải tăng. Trong bối cảnh đó, giá bán hàng hóa đã tăng tháng

thứ ba liên tiếp.

+ Niềm tin kinh doanh và triển vọng sản lượng tiếp tục được củng cố khi kỳ vọng về tình hình tăng trưởng của đơn hàng mới trong tương lai.

Diễn biến chỉ số PMI



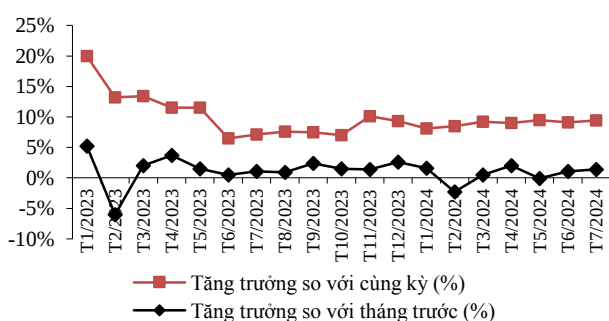
Nguồn: Nikkei

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng so với tháng trước

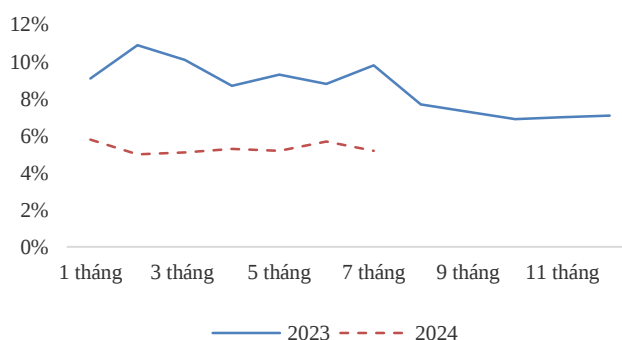
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng Bảy ước tính đạt 528,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước nhờ đóng góp tích cực của ngành du lịch.

Tính chung bảy tháng năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.625,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 5,2%⁶. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 2.801,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 77,3% tổng mức và tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 419,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,6% tổng mức, tăng 15,2%; doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 35,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 1% tổng mức, tăng 31,8%. Cuối cùng, doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 370,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 9,4%.

Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu DV TD so với tháng trước và cùng kỳ



Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đã loại trừ yếu tố giá (so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK

Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN trong

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 7/2024 ước tính đạt 57,6 nghìn tỷ đồng, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó vốn Trung

⁶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cùng kỳ năm 2023 loại trừ yếu tố giá tăng 9,8%

tháng Bảy
đã giảm so
với cùng kỳ

trung ương quản lý đạt 10,1 nghìn tỷ đồng, giảm 4,9%; vốn địa phương quản lý đạt 47,5 nghìn tỷ đồng, giảm 0,9%.

Tính chung bảy tháng năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 301,5 nghìn tỷ đồng, bằng 40,6% kế hoạch năm và tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước⁷. Trong đó, vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 51,9 nghìn tỷ đồng, bằng 44,9% kế hoạch năm và giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước; vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 249,6 nghìn tỷ đồng, bằng 39,8% kế hoạch năm và tăng 3,6% so với cùng kỳ năm trước.

Trong bảy tháng vừa qua, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN phân cho các Bộ, ngành ghi nhận mức tăng cao tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Y tế; Bộ Công Thương; Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đồng thời, cũng chứng kiến mức giảm mạnh tại Bộ Giao thông vận tải; Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Diễn biến vốn đầu tư từ NSNN



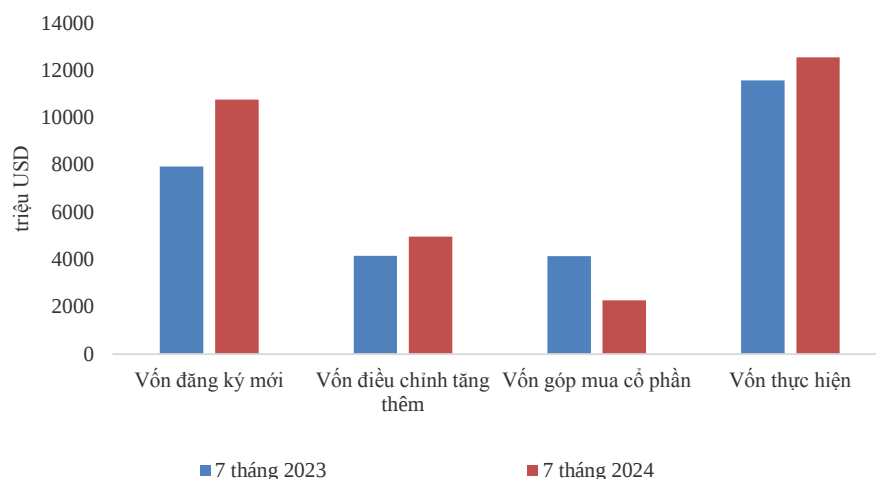
Nguồn: TCTK

Tổng vốn
đầu tư nước
ngoài đã
tăng trở lại

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/7/2024 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt hơn 18 tỷ USD, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đã có 1.816 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 10,76 tỷ USD, tăng 11,6% về số dự án và tăng 35,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký điều chỉnh có 734 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm 4,97 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 1.795 lượt với tổng giá trị góp vốn 2,27 tỷ USD, tăng 45,2% so cùng kỳ năm trước.

⁷ Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cùng kỳ năm 2023 bằng 40,2% và tăng 23,6%

Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam



Nguồn: TCTK

Trong số 62 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong bảy tháng vừa qua, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 4,55 tỷ USD, chiếm 42,3% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hồng Kông đạt 1,31 tỷ USD, chiếm 12,1%; Trung Quốc với 1,22 tỷ USD, chiếm 11,3%; Nhật Bản đạt 991,5 triệu USD, chiếm 9,2%; Thổ Nhĩ Kỳ là 731,3 triệu USD, chiếm 6,8%; Đài Loan là 588,4 triệu USD, chiếm 5,5%.

Vốn thực tiếp tục tăng

Trong bảy tháng năm 2024, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện ước tính đạt 12,55 tỷ USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 9,98 tỷ USD, chiếm 79,5% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1,14 tỷ USD, chiếm 9,1%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 481,1 triệu USD, chiếm 3,8%.

Kim ngạch xuất nhập khẩu tiếp tục có diễn biến tăng

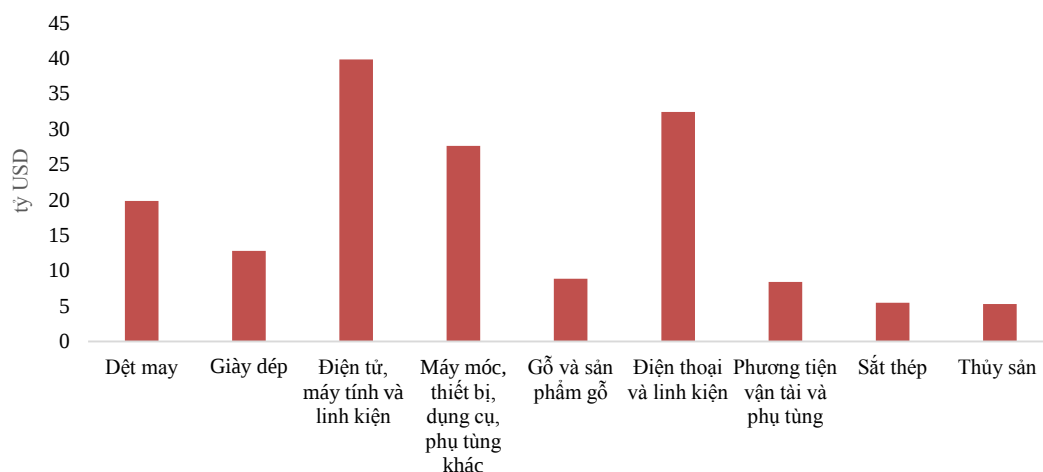
Trong tháng Bảy, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt 59,72 tỷ USD, tăng 8,7% so với tháng trước và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung bảy tháng, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 439,88 tỷ USD, tăng 17,1% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Bảy ước đạt 35,92 tỷ USD, tăng 6,7% so với tháng trước, tăng 19,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 9,87 tỷ USD, tăng 9,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 26,05 tỷ USD, tăng 5,6%.

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong bảy tháng ước đạt 226,98 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 63,08 tỷ USD, tăng 21,1%, chiếm 27,8% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 163,9 tỷ USD, tăng 13,8%, chiếm 72,2%.

Trong cán cân xuất khẩu hiện có 30 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, có 09 mặt hàng đạt kim ngạch trên 5 tỷ USD, chiếm 70,8%.

Diễn biến một số mặt hàng xuất khẩu bảy tháng năm 2024



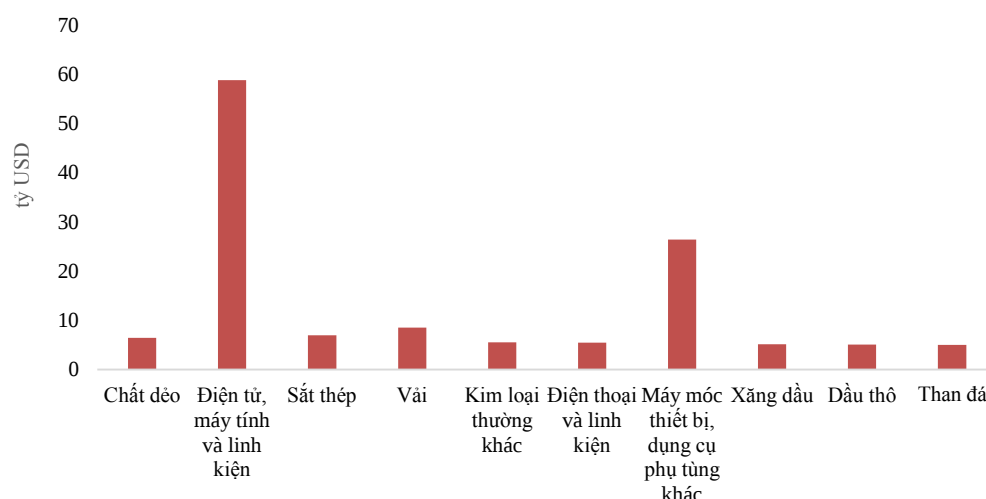
Nguồn: TCTK

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Bảy ước đạt 33,8 tỷ USD, tăng 11% so với tháng trước, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 12,2 tỷ USD, tăng 11,3% và tăng 16,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21,6 tỷ USD, tăng 10,8% và tăng 29,9%.

Tính chung bảy tháng, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 212,9 tỷ USD, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 78 tỷ USD, tăng 21,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 134,9 tỷ USD, tăng 16,9%.

Trong kim ngạch nhập khẩu hiện có 35 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 89,4% tổng kim ngạch nhập khẩu. Trong đó, có 10 mặt hàng nhập khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 62,5%.

Diễn biến một số mặt hàng nhập khẩu bảy tháng năm 2024

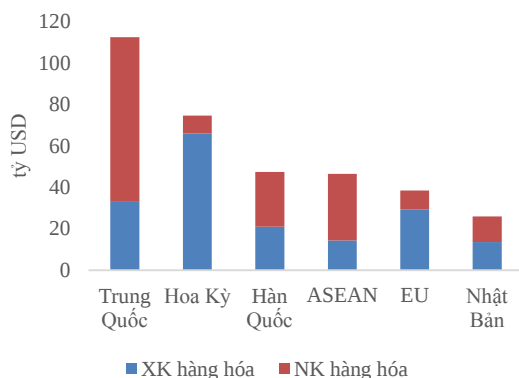


Nguồn: TCTK

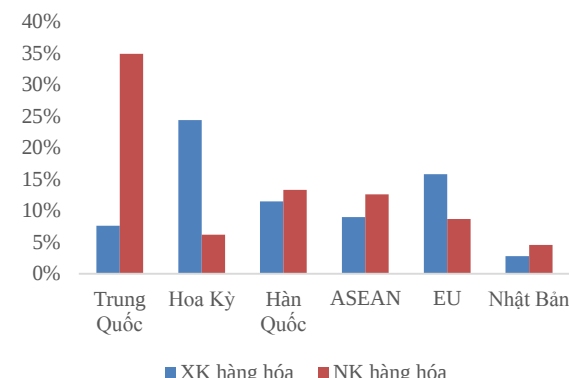
Trong bảy tháng, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất với kim ngạch ước đạt 66,1 tỷ USD, xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt 57,5 tỷ USD, tăng 27,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất với

kim ngạch ước đạt 79,2 tỷ USD, nhập siêu từ Trung Quốc là 45,8 tỷ USD, tăng 65,4%.

Kim ngạch XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước



Tốc độ tăng trưởng XNK hàng hóa sang thị trường các nước, khối nước so với cùng kỳ năm trước



Nguồn: TCTK

Trong tháng Bảy, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 2,12 tỷ USD. Tính chung bảy tháng, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 14,08 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,5 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 14,92 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 29 tỷ USD.

Diễn biến XK, NK và cán cân thương mại theo tháng (2023 – 2024)



Nguồn: TCTK

2. Lạm phát

Chỉ số giá tiêu dùng tiếp tục tăng so với tháng trước

CPI tháng Bảy ước tăng 0,48% so với tháng trước, tăng 4,36% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân bảy tháng tăng 4,12% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Diễn biến tăng của CPI trong tháng chủ yếu là do giá xăng dầu trong nước tăng theo giá thế giới, nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt tăng.

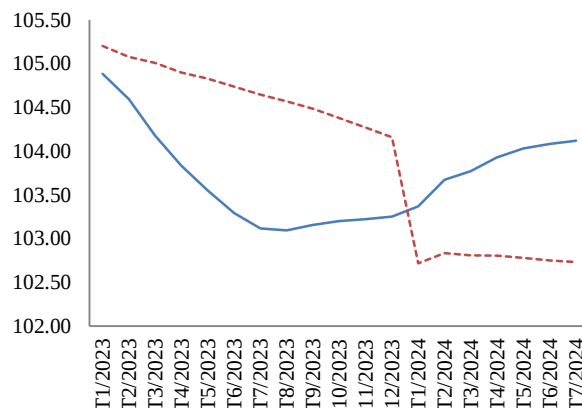
Bên cạnh đó, lạm phát cơ bản tăng 0,36% so với tháng trước và tăng 2,61% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân bảy tháng tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước.

CPI so với tháng trước (%)



— CPI tổng thể - - - CPI cơ bản

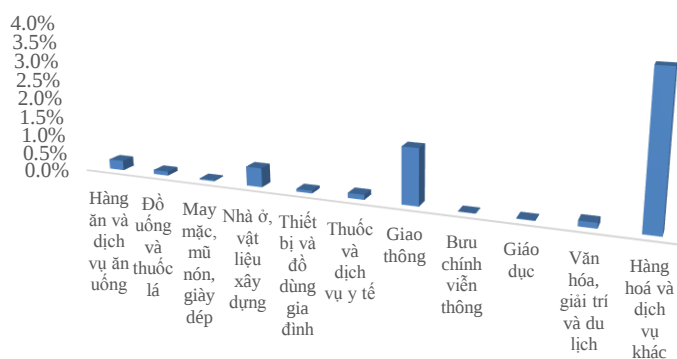
CPI bình quân so với cùng kỳ (%)



— CPI bình quân - - - CPI cơ bản bình quân

Nguồn: TCTK

Diễn biến tăng, giảm chỉ số CPI của các nhóm hàng



Nguồn: TCTK

VBQPPL quan trọng về điều tiết giá cả được ban hành trong tháng 7 năm 2024**Nghị định số 78/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Giá về thẩm định giá**

1. Hồ sơ đăng ký hành nghề thẩm định giá bao gồm:

- Đơn đăng ký hành nghề thẩm định giá tại doanh nghiệp;

- Bản sao chứng thực hoặc bản sao điện tử hợp lệ giấy tờ chứng minh đã cập nhật kiến thức về thẩm định giá phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đăng ký hành nghề và còn hiệu lực tại thời điểm đăng ký hành nghề trừ trường hợp thẻ thẩm định viên về giá được cấp dưới 01 năm tính đến thời điểm đăng ký hành nghề;...

2. Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, doanh nghiệp thẩm định giá phải chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến các hợp đồng thẩm định giá đã ký với khách hàng, hợp đồng lao động đã ký với thẩm định viên, nhân viên và các nghĩa vụ pháp lý khác.

3. Doanh nghiệp thẩm định giá bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá phải chấm dứt việc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực thi hành và phải chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến các hợp

đồng thẩm định giá đã ký với khách hàng, hợp đồng lao động đã ký với thẩm định viên, nhân viên, lưu trữ hồ sơ thẩm định giá và các nghĩa vụ pháp lý khác.

Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Giá

1. Việc lập phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá được quy định như sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở trung ương: Tổ chức sản xuất, kinh doanh, cung ứng hàng hóa, dịch vụ được đặt hàng lập phương án giá;

- Đối với hàng dự trữ quốc gia mua theo phương thức chỉ định thầu (trừ hàng dự trữ quốc gia thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh): Tổ chức, cá nhân được nhận hồ sơ yêu cầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu lập phương án giá. Đối với hàng dự trữ quốc gia mua theo phương thức mua trực tiếp rộng rãi của mọi đối tượng: Cục dự trữ quốc gia khu vực lập phương án giá;...

2. Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá có trách nhiệm gửi văn bản kê khai giá cho cơ quan tiếp nhận kê khai giá trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định giá. Cụ thể như sau:

- Trường hợp tổ chức kinh doanh chỉ thực hiện bán buôn thì kê khai giá bán buôn; trường hợp tổ chức kinh doanh chỉ thực hiện bán lẻ thì kê khai giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức kinh doanh vừa thực hiện bán buôn, vừa thực hiện bán lẻ thì kê khai cả giá bán buôn và giá bán lẻ;

- Trường hợp tổ chức kinh doanh là đơn vị nhập khẩu, đồng thời là nhà phân phối độc quyền thì thực hiện kê khai giá bán buôn và giá bán lẻ (nếu có);

- Trường hợp tổ chức kinh doanh là nhà phân phối độc quyền thì thực hiện kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; tổng đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán buôn, giá bán lẻ; đại lý có quyền quyết định giá và điều chỉnh giá thì thực hiện kê khai giá bán lẻ.

3. Các hình thức tiếp nhận kê khai giá:

- Tiếp nhận qua môi trường mạng trên phần mềm bằng một trong các hình thức sau đây: tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến; tiếp nhận qua phần mềm cơ sở dữ liệu về giá; các hình thức tiếp nhận trên môi trường mạng khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Tiếp nhận bằng các hình thức khác: tiếp nhận trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận kê khai giá; tiếp nhận qua đường bưu điện (thời gian gửi tính theo dấu công văn đến); tiếp nhận văn bản điện tử qua thư điện tử.

Công văn số 4662/BCT-TTTN ngày 04/7/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: tăng 447 đồng/lít; Xăng RON 95-III: tăng 542 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: tăng 487 đồng/lít; Dầu hỏa: tăng 602 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 88 đồng/kg.

Công văn số 4896/BCT-TTTN ngày 17/7/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 179 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 258 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 342 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 178 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: tăng 250 đồng/kg.

Công văn số 5129/BCT-TTTN ngày 18/7/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 108 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 116 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 330 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 374 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 173 đồng/kg.

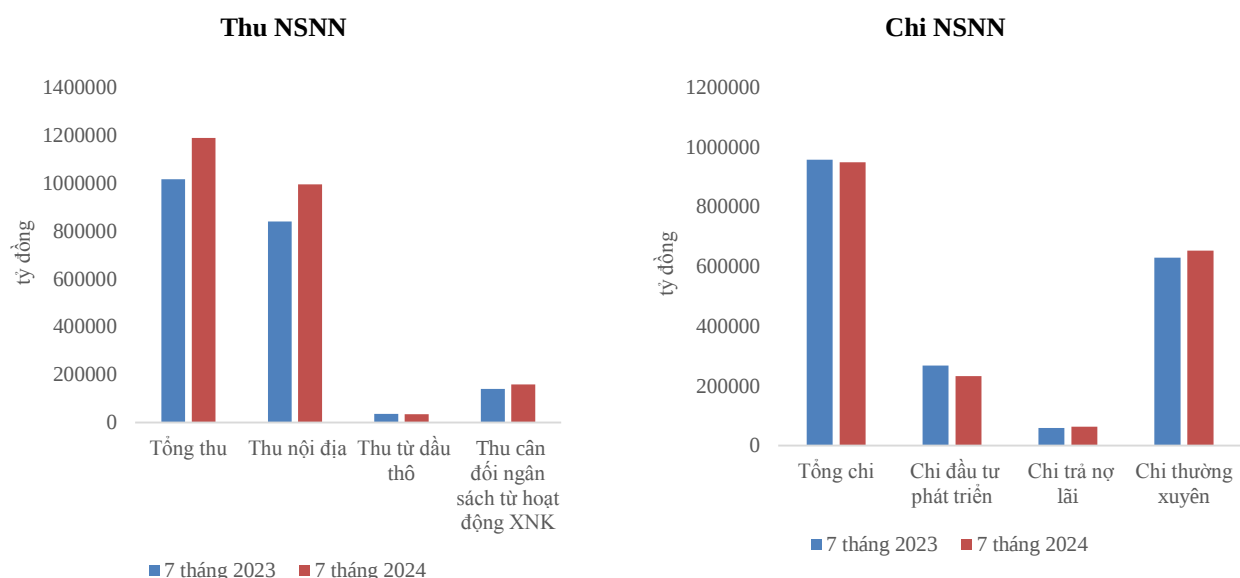
Công văn số 5345/BCT-TTTN ngày 25/7/2024 của Bộ Công Thương về việc điều hành kinh doanh xăng dầu

Điều chỉnh giá xăng dầu: Xăng E5 RON 92: giảm 274 đồng/lít; Xăng RON 95-III: giảm 294 đồng/lít; Dầu diesel 0.05S: giảm 310 đồng/lít; Dầu hỏa: giảm 338 đồng/lít; Dầu mazut 180CST 3.5S: giảm 433 đồng/kg.

3. Thu chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng bảy ước đạt gần 150 nghìn tỷ đồng, tính chung bảy tháng ước đạt 1.188,1 nghìn tỷ đồng, bằng 69,8% dự toán năm và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa ước đạt 995 nghìn tỷ đồng, bằng 68,9% dự toán năm và tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước; thu từ dầu thô ước đạt 34,4 nghìn tỷ đồng, bằng 74,7% dự toán năm và giảm 2,7%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu ước đạt 158,5 nghìn tỷ đồng, bằng 77,7% dự toán năm và tăng 11,7%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng Bảy ước đạt 152,6 nghìn tỷ đồng, lũy kế bảy tháng ước đạt 948,3 nghìn tỷ đồng, bằng 44,7% dự toán năm và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên bảy tháng năm 2024 ước đạt 652,5 nghìn tỷ đồng, bằng 51,8% dự toán năm và tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 232,1 nghìn tỷ đồng, bằng 34,3% và giảm 8,4%; chi trả nợ lãi 63,2 nghìn tỷ đồng, bằng 56,5% và tăng 7,7%.



Nguồn: TCTK

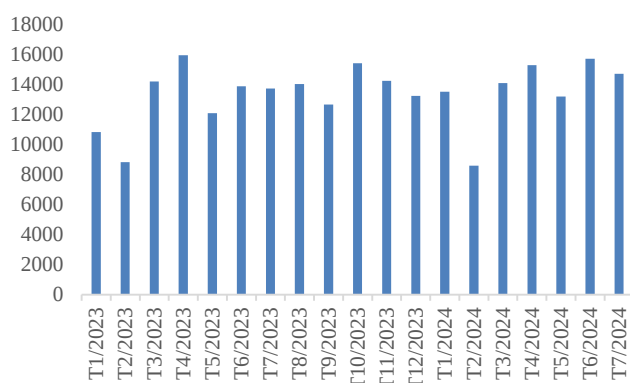
4. Tình hình doanh nghiệp

Trong tháng Bảy, cả nước có 14,7 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là hơn 110 nghìn tỷ đồng và số lao động đăng ký hơn 88,4 nghìn lao động, giảm 6,3% về số doanh nghiệp, giảm 22,8% về vốn đăng ký và tăng 3,3% về số lao động so với tháng trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt 7,5 tỷ đồng, giảm 17,6% so với tháng trước. Bên

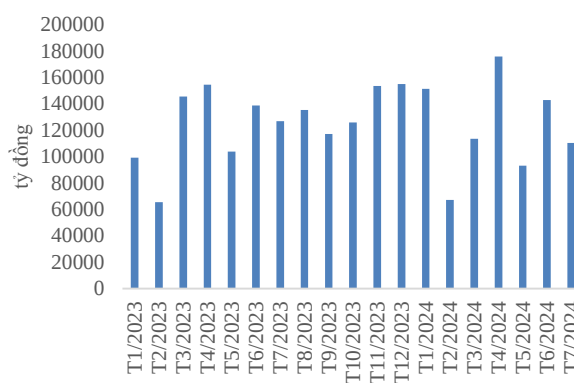
cạnh đó, cả nước còn có hơn 6,8 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 26,2% so với tháng trước.

Tính chung bảy tháng năm 2024, cả nước có hơn 95,2 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 854,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký gần 600,4 nghìn lao động, tăng 6,3% về số doanh nghiệp, tăng 2,4% về vốn đăng ký và tăng 2% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong bảy tháng đạt 9 tỷ đồng, giảm 3,6% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có gần 44,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong bảy tháng lên gần 139,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có hơn 19,9 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Số doanh nghiệp thành lập mới (2023 – nay)



Vốn đăng ký kinh doanh (2023 – nay)



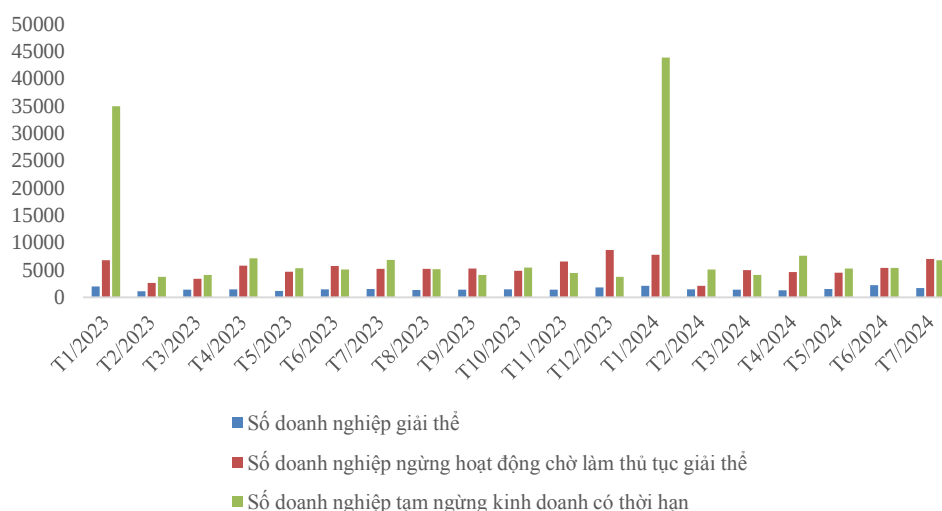
Nguồn: TCTK

Các doanh nghiệp mới gia nhập thị trường trong bảy tháng đầu năm theo khu vực kinh tế có 919 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước; 22,4 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 4,8%; 71,9 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 6,8%.

Cũng trong tháng Bảy, có 6.837 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 26,2% so với tháng trước và giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2023; 7.035 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 30,2% và tăng 33,8%; có 1.730 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 22,4% và tăng 9,4%.

Tính chung bảy tháng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là hơn 78 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước; hơn 35,5 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 1,5%; 11,9 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 14,5%. Bình quân một tháng có hơn 17,9 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường (2023 – nay)



Nguồn: TCTK

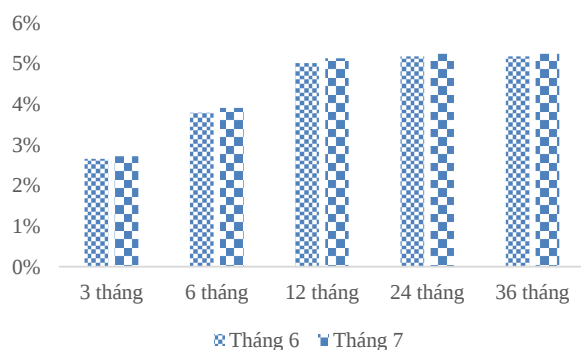
5. Diễn biến thị trường tài chính

Lãi suất huy động tiếp tục tăng nhưng đã hạ nhiệt so với tháng trước

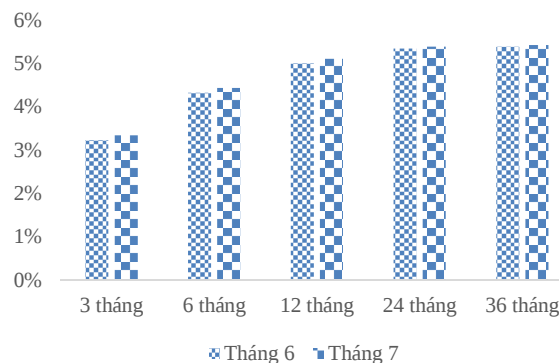
Trong tháng bảy, lãi suất huy động trong nền kinh tế tiếp tục tăng ở tất cả các kỳ hạn nhưng đã có phần hạ nhiệt so với tháng trước. Trong khối NHTM CP, có khoảng 16 ngân hàng tiến hành tăng lãi suất, điều chỉnh tăng từ 0,1 – 0,5 điểm phần trăm. Lãi suất huy động bình quân kỳ hạn 3, 6 tháng đều tăng 0,11 điểm phần trăm; lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên tăng trong khoảng 0,04 – 0,1 điểm phần trăm. Kết thúc tháng, lãi suất huy động trong khối NHTM CP kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% – 3,9%/năm; kỳ hạn 6 tháng từ 3,5% – 5,25%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên từ 4,4% – 6%/năm.

Trong khi đó, lãi suất huy động có diễn biến đi ngang tại 04 NHTM NN, lãi suất huy động được điều chỉnh tăng tại 02 ngân hàng TNHH MTV Xây dựng và Dầu khí toàn cầu với mức tăng dao động trong khoảng 0,15 – 0,4 điểm phần trăm. Tính đến cuối tháng Bảy, lãi suất huy động trong khối NHTM có vốn sở hữu của Nhà nước đối với kỳ hạn 3 tháng dao động từ 1,9% – 3,9%/năm; kỳ hạn 6 tháng từ 2,9% – 5,4%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên dao động từ 4,6% – 6,1%/năm.

Diễn biến lãi suất huy động bình quân của Khối NHTM Nhà nước



Diễn biến lãi suất huy động bình quân Khối NHTM Cổ phần



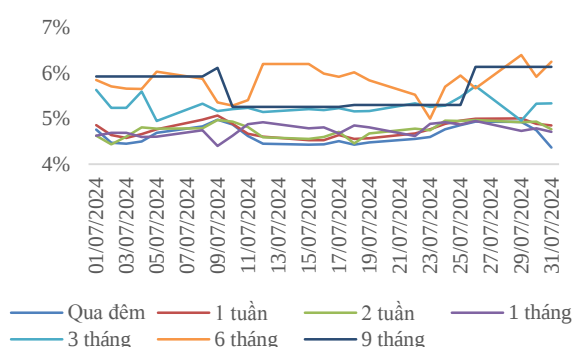
Nguồn: tổng hợp

Tính đến cuối tháng 7/2024, mặt bằng lãi suất cho vay trên thị trường có xu hướng giảm. Hiện lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên ở mức 4%/năm.

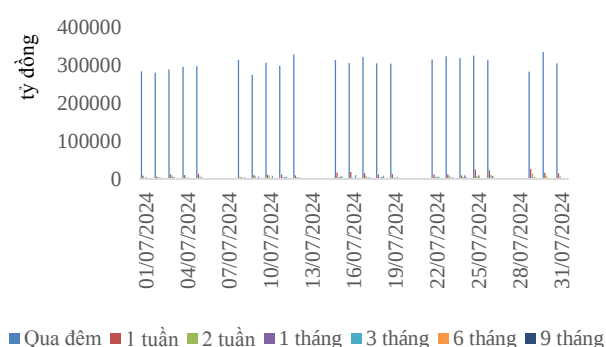
Lãi suất liên ngân hàng tăng, giảm ở các kỳ hạn

Trong tháng Bảy, lãi suất liên ngân hàng đã có diễn biến tăng ở các kỳ hạn 01 tuần, 6 tháng và 9 tháng với mức tăng lần lượt là 0,18; 0,87 và 0,21 điểm phần trăm. Bên cạnh đó, diễn biến đi ngang đã xuất hiện ở kỳ hạn 3 tháng và diễn biến giảm ở kỳ hạn qua đêm, 02 tuần và 01 tháng, giảm lần lượt là 0,02; 0,12; 0,06 điểm phần trăm. Kết thúc tháng, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn dao động từ 4,37% – 4,85%/năm; lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 1 – 3 tháng là 4,71% – 5,34%/năm và lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn từ 6 – 9 tháng là 6,25% và 6,14%/năm.

Diễn biến lãi suất liên ngân hàng



Doanh số giao dịch liên ngân hàng



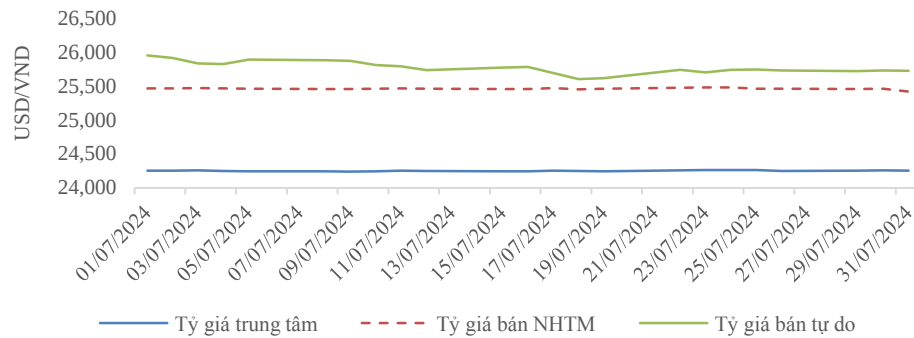
Nguồn: NHNN

Tỷ giá USD/VND đã giảm so với tháng trước

Sự suy yếu của đồng USD trong tháng 7/2024 đã giảm áp lực đối với tỷ giá USD/VND giao dịch trong nền kinh tế. Cụ thể, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh giảm 0,02%, tương đương với 5 đồng so với cuối tháng trước. Trong khi đó, tỷ giá mua – bán tham khảo tại Cục quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước tiếp tục ổn định trong ba tháng liên tiếp. Kết thúc tháng bảy, tỷ giá trung tâm niêm yết ở mức 24.255 USD/VND và tỷ giá mua – bán tham khảo tại Cục quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước ở mức 23.400 – 25.450 USD/VND.

Bên cạnh đó, tỷ giá giao dịch trong nền kinh tế đã có diễn biến giảm rõ rệt hơn so với tháng 6/2024, tỷ giá giao dịch tại các NHTM đã giảm sau khi có diễn biến đi ngang trong tháng trước, tỷ giá mua có xu hướng giảm mạnh hơn tỷ giá bán. Theo số liệu khảo sát, tỷ giá mua - bán của Vietcombank và Eximbank đã giảm dao động từ 0,21% – 0,69%. Tính đến cuối tháng, tỷ giá giao dịch tại Vietcombank là 25.080 – 25.420 USD/VND (mua vào – bán ra). Trong khi đó, tỷ giá trên thị trường tự do theo số liệu khảo sát, đã giảm lần lượt là 1,06% và 0,98% so với tháng trước. Kết thúc tháng, tỷ giá giao dịch trên thị trường tự do vào thời điểm khảo sát là 25.625 – 25.725 USD/VND. Chênh lệch tỷ giá bán trên thị trường tự do và tỷ giá bán của Vietcombank ở mức 305 đồng.

Diễn biến tỷ giá USD/VND

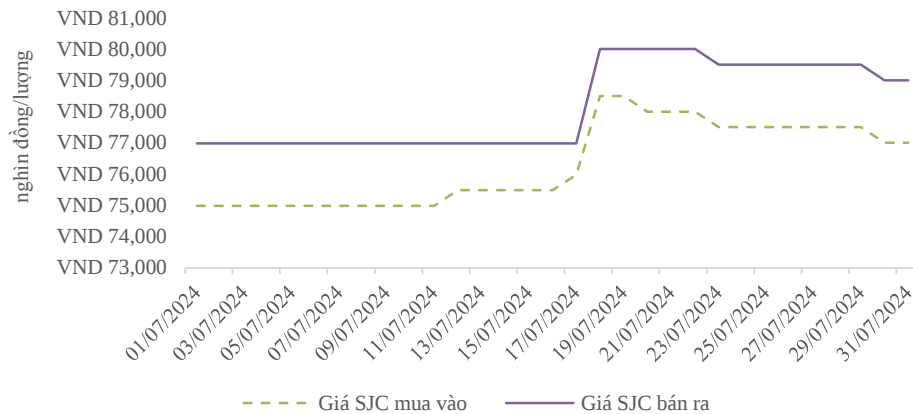


Nguồn: NHNN

Giá vàng đã tăng trở lại

Giá vàng SJC giao dịch trong tháng bảy đã tăng trở lại nhưng thấp hơn mức tăng của giá vàng thế giới. Theo số liệu khảo sát, giá vàng SJC giao dịch trong nền kinh tế đã tăng 2,72% ở chiều mua vào và 2,67% ở chiều bán ra. Giá bán vàng SJC được duy trì ổn định trong nửa đầu tháng ở mức 76,98 triệu đồng/lượng và chỉ bật tăng lên mức giá cao 80 triệu đồng/lượng vào ngày 18/7/2024. Tính đến cuối tháng, giá vàng SJC giao dịch tại thời điểm khảo sát ở mức 77 triệu đồng/lượng ở chiều mua vào và 79 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra. Chênh lệch giá vàng trong nước và quốc tế vào thời điểm cuối tháng khoảng 3,8 triệu đồng/lượng.

Diễn biến giá vàng SJC giao dịch trên thị trường



Nguồn: sjc.com.vn

VBQPPL quan trọng trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng được ban hành trong tháng 7 năm 2024

Quyết định số 09/2024/QĐ-TTg ngày 01/7/2024 quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:

- Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng trong 03 năm liền kể trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính

năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn không quá ba lần;

- Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội của đất nước thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ;

+ Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;

+ Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

- Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định và đánh giá là khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:

- Về cấp tín dụng hợp vốn:

+ Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với các dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng;

+ Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 05 tổ chức tín dụng khác; đăng tải thư mời hợp vốn trên cổng thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng và cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc Tạp chí Ngân hàng hoặc Thời báo Ngân hàng trong thời gian ít nhất 45 ngày nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.

- Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó;

- Đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng tại khoản 8 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.

Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15/7/2024 về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

1. Đối tượng và điều kiện vay vốn

- Đối tượng vay vốn: Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú (sau đây gọi là khách hàng).

- Điều kiện vay vốn: Khách hàng cư trú tại địa phương thuộc vùng nông thôn chưa có công trình cấp nước, công trình vệ sinh hộ gia đình hoặc đã có nhưng bị hư hỏng cần phải xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa.

2.

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện cho vay theo phương thức ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội.

3. Mức vốn cho vay

- Mức cho vay tối đa là 25 triệu đồng/01 loại công trình/khách hàng.

- Khách hàng được vay vốn để đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa 02 loại công trình nước và vệ sinh môi trường hộ gia đình nhưng tổng dư nợ mỗi loại công trình không vượt quá mức cho vay tối đa của mỗi loại công trình.

4. Đồng tiền cho vay và trả nợ là đồng Việt Nam.

5. Thời hạn cho vay do Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận với khách hàng nhưng tối đa là 05 năm (60 tháng).

6. Lãi suất cho vay 9,0%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Nghị định số 86/2024/NĐ-CP ngày 11/7/2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái

1. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể đối với nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 5 của tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tài chính vi mô), chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Cụ thể là: Nhóm 1: 0%; Nhóm 2: 5%; Nhóm 3: 20%; Nhóm 4: 50%; Nhóm 5: 100%.

2. Mức trích lập dự phòng đối với tổ chức tín dụng (trừ tổ chức tài chính vi mô), chi nhánh ngân hàng nước ngoài: được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 4, trừ các khoản sau đây: Tiền gửi tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại TCTD ở nước ngoài; khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.

3. Thời điểm trích lập dự phòng rủi ro của ngân hàng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Trong 07 ngày đầu tiên của tháng, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập dự phòng cho thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề căn cứ nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn giữa:

- Nhóm nợ theo kết quả tự phân loại nợ cho thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Nhóm nợ đã được điều chỉnh theo nhóm nợ của danh sách khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (CIC) cung cấp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm gần nhất.

Nghị định số 93/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2023 của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố

1. Nguyên tắc tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ, xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố như sau:

- Bảo đảm đúng điều kiện, thời hạn, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

- Việc trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố quy định tại Nghị định này được thực hiện trên nguyên tắc không chậm trễ và không thông báo trước;

- Tiêu chí, quy trình, thủ tục, biểu mẫu tiêu chuẩn được sử dụng để xác lập, đề nghị Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan khủng bố, tài trợ khủng bố tuân thủ các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc thông qua trên cơ sở Chương VII Hiến chương của Liên hợp quốc và pháp luật về phòng, chống khủng bố của Việt Nam;...

2. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, rà soát khách hàng, giao dịch của khách hàng và các bên liên quan đến giao dịch của khách hàng với danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.

Khi có căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện khách hàng, các bên liên quan đến giao dịch của khách hàng thuộc danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố hoặc khi có lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi có liên quan đến tài trợ khủng bố thì tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan phải áp dụng ngay biện pháp trì hoãn giao dịch.

Thông tư số 38/2024/TT-NHNN ngày 01/7/2024 Quy định về hoạt động tư vấn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn phải đảm bảo thực hiện các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động tư vấn do nhân viên tư vấn thực hiện và nội dung tư vấn;

- Chịu trách nhiệm thực hiện giám sát việc tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và việc thực hiện hoạt động tư vấn của nhân viên tư vấn;

- Bảo đảm tính độc lập, trung thực, khách quan của hoạt động tư vấn;

- Tuân thủ quy định về bảo mật thông tin khách hàng trong quá trình cung ứng dịch vụ tư vấn trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản với khách hàng hoặc pháp luật có quy định khác;

- Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn có quyền tự chủ trong hoạt động tư vấn;

- Việc thực hiện hoạt động tư vấn bằng phương tiện điện tử phải phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Nhân viên tư vấn phải đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp như sau:

- Có hiểu biết chuyên môn về nội dung tư vấn cho khách hàng;

- Trung thực, công bằng, cẩn trọng, liêm chính; không được cung cấp thông tin sai sự thật hoặc thông tin gây hiểu lầm về tính năng, đặc điểm, lợi ích của giao dịch được tư vấn;

- Vì lợi ích của khách hàng; nội dung tư vấn đưa ra phù hợp với những thông tin do khách hàng cung cấp (nếu có) về tình hình, kiến thức tài chính, năng lực hành vi, hiểu biết xã hội, mục tiêu và nhu cầu tài chính của khách hàng;

- Giữ an toàn, tách biệt tiền, tài sản của khách hàng tại tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn với giao dịch được tư vấn trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

- Không quyết định thay khách hàng hoặc tác động khách hàng đưa ra quyết định; không chuyển thông tin của khách hàng, thông tin liên quan đến hợp đồng tư vấn cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật;

- Cảnh báo khách hàng về những rủi ro có thể phát sinh khi thực hiện các giải pháp, phương án được tư vấn.

3. Tổ chức tín dụng cung ứng dịch vụ tư vấn có quyền thu phí trong hoạt động tư vấn. Mức phí trong hoạt động tư vấn phải được niêm yết công khai và phải được ghi trong hợp đồng tư vấn.

Thông tư số 39/2024/TT-NHNN ngày 01/7/2024 quy định về kiểm soát đặc biệt đối với tổ chức tín dụng

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định các nội dung sau đối với tổ chức tín dụng, trừ quỹ tín dụng nhân dân:

- Hình thức kiểm soát đặc biệt;
- Thành lập Ban kiểm soát đặc biệt;
- Thời hạn kiểm soát đặc biệt;
- Công bố thông tin kiểm soát đặc biệt;...

2. Ban kiểm soát đặc biệt thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thông qua một hoặc một số công việc kiểm soát hoạt động sau đây:

- Yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt;
- Yêu cầu tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt kiểm kê các khoản mục tiền và tương đương tiền hiện có trên toàn hệ thống theo nguyên tắc thực hiện kiểm tra, giám sát chéo và báo cáo kết quả thực hiện trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thành việc kiểm kê;
- Chấp thuận trước khi tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện một số giao dịch, hoạt động theo quy định tại Quyết định kiểm soát đặc biệt, văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước;...

Thông tư số 40/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Việc nạp tiền vào ví điện tử được thực hiện thông qua:

- Nộp tiền mặt vào tài khoản đảm bảo thanh toán của tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (cho dịch vụ ví điện tử) mở tại ngân hàng hợp tác;
- Nhận tiền từ tài khoản đồng Việt Nam của chủ ví điện tử tại ngân hàng liên kết;
- Nhận tiền từ tài khoản đồng Việt Nam mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Nhận tiền từ ví điện tử khác trong cùng hệ thống (do một tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử mở);
- Nhận tiền từ ví điện tử khác ngoài hệ thống (do tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử khác mở).

2. Chủ ví điện tử được sử dụng ví điện tử để:

- Rút tiền ra khỏi ví điện tử về tài khoản đồng Việt Nam của chủ ví điện tử tại ngân hàng

liên kết;

- Chuyển tiền đến tài khoản đồng Việt Nam mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Chuyển tiền đến ví điện tử khác trong cùng hệ thống (do một tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử mở);

- Chuyển tiền đến ví điện tử khác ngoài hệ thống (do tổ chức cung ứng dịch vụ ví điện tử khác mở);

- Thanh toán cho hàng hóa, dịch vụ; nộp phí, lệ phí cho các dịch vụ công hợp pháp theo quy định của pháp luật.

3. Khách hàng không được sử dụng ví điện tử để thực hiện các giao dịch cho các mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, lừa đảo, gian lận và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

Thông tư số 41/2024/TT-NHNN ngày 17/7/2024 quy định về giám sát và thực hiện giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng, hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

1. Nội dung giám sát các hệ thống thanh toán quan trọng gồm:

- Tình hình hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng bao gồm thông tin về thời gian hoạt động, tình hình thành viên tham gia, tình hình giao dịch qua hệ thống.

- Hoạt động quản trị rủi ro đối với hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng bao gồm xây dựng chính sách, quy trình quản lý rủi ro và hoạt động triển khai.

- Việc tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, vận hành hệ thống thanh toán quan trọng.

- Những thay đổi trong hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng bao gồm thay đổi về quy trình nghiệp vụ, quy chế thành viên của hệ thống.

2. Đơn vị giám sát theo dõi hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng thông qua việc:

- Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng từ các nguồn:

+ Các báo cáo theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê;

+ Các báo cáo, thông tin cung cấp của tổ chức vận hành theo quy định tại Điều 16 Thông tư 41/2024/TT-NHNN;

+ Tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được thông qua hoạt động kiểm tra tại chỗ theo quy định tại Điều 7 Thông tư 41/2024/TT-NHNN;

+ Tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được thông qua hệ thống thông tin giám sát trực tuyến đối với hoạt động của hệ thống thanh toán quan trọng theo yêu cầu từ thực tế giám sát...

- Xử lý, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu:

+ So sánh, đối chiếu tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được từ các nguồn khác nhau;

+ So sánh, đối chiếu tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử để phát hiện các biến động bất thường;

+ Tổng hợp, phân tích các tài liệu, thông tin, dữ liệu đã thu thập, so sánh, đối chiếu...

Thông tư số 42/2024/TT-NHNN ngày 22/7/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng sau khi tổ chức tín dụng cho Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP vay và việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với khoản nợ của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

1. Khoản tái cấp vốn đối với TCTD sau khi cho Tổng công ty Hàng không VN vay được gia hạn tự động 05 lần tại thời điểm đến hạn đối với dư nợ gốc tái cấp vốn còn lại; thời hạn gia hạn mỗi lần bằng thời hạn tái cấp vốn; tổng thời gian tái cấp vốn và gia hạn tái cấp vốn tối đa không quá 06 năm.

- Theo quy định cũ, khoản tái cấp vốn được gia hạn tự động 02 (lần tại thời điểm đến hạn đối với dư nợ gốc tái cấp vốn còn lại; thời hạn gia hạn mỗi lần bằng thời hạn tái cấp vốn; tổng thời gian tái cấp vốn và gia hạn tái cấp vốn tối đa không quá 03 năm.

2. Vụ Chính sách tiền tệ có trách nhiệm:

- Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý đề nghị vay tái cấp vốn của tổ chức tín dụng theo quy định;

- Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định tái cấp vốn đối với tổ chức tín dụng để triển khai Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ.

3. Bổ sung trách nhiệm của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định tái cấp vốn, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng rà soát, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng nguyên tắc tái cấp vốn.

Quyết định số 1415/QĐ-NHNN ngày 05/7/2024 về việc đính chính Thông tư 03/2024/TT-NHNN ngày 16/5/2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

1. Đính chính lỗi kỹ thuật tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 03/2024/TT-NHNN ngày 16/5/2024 như sau: đính chính đoạn “Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này.” thành đoạn “Các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp Công ty Quản lý tài sản mua khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, khoản nợ phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 16 Thông tư này và giá mua, bán khoản nợ không thấp hơn 3 tỷ đồng đối với nhóm khách hàng vay và khách hàng vay là tổ chức; không thấp hơn 1 tỷ đồng đối với khách hàng vay là cá nhân.”

2. Cá nhân, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thi hành quyết định:

- Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

- Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước;

- Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

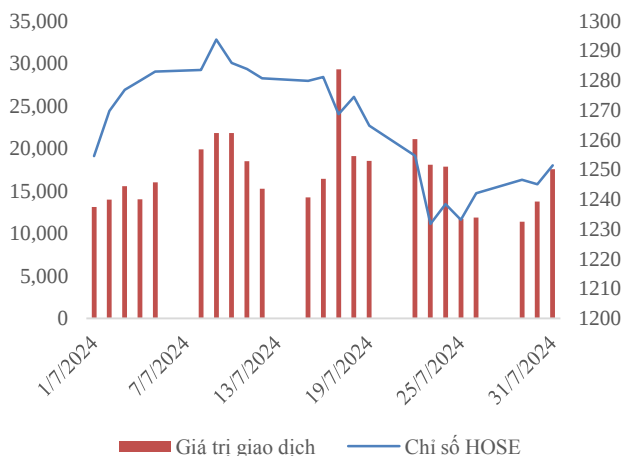
*Các chỉ số
chứng*

Trong tháng Bảy, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận kết quả không đồng đều của các chỉ số chứng khoán. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của

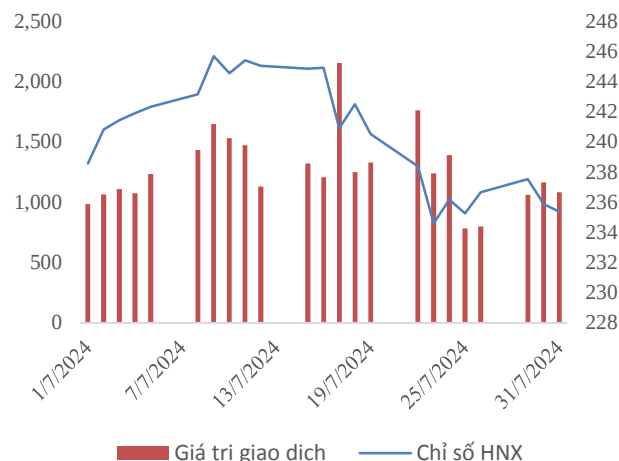
*khoản Việt
Nam có
diễn biến
không
đồng đều*

tháng Bảy, chỉ số VN-Index đạt 1.251,51 điểm, tăng 0,5% so với tháng trước; chỉ số HNX-Index đạt 235,36 điểm, giảm 0,94% và chỉ số UPCoM-Index đạt 95,07 điểm, giảm 2,53%. Trong tháng Bảy, trên sàn HOSE có 5 chỉ số ngành tăng điểm so với tháng trước, trong đó 3 chỉ số ngành tăng điểm nhiều nhất là chỉ số ngành chăm sóc sức khỏe VNHEAL tăng 2,87%, chỉ số ngành tiêu dùng thiết yếu VNCONS tăng 2,37%, chỉ số ngành tài chính VNFN tăng 2,10%.

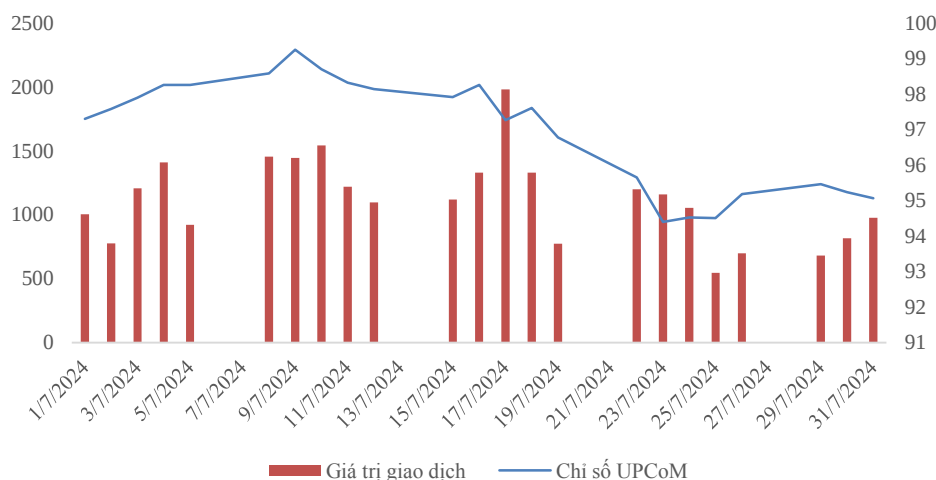
Diễn biến chỉ số HOSE



Diễn biến chỉ số HNX



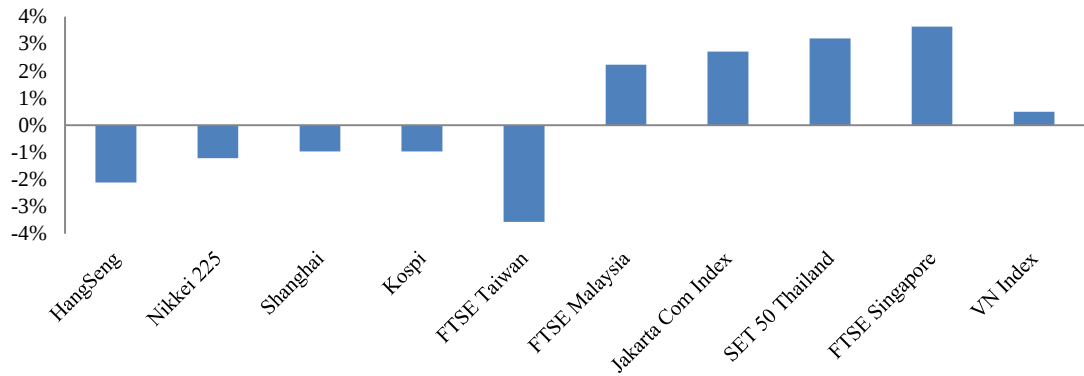
Diễn biến chỉ số UPCoM



Nguồn: stockbiz.vn

Tính đến cuối tháng Bảy, giá trị vốn hóa cổ phiếu trên sàn HOSE đạt hơn 5,12 triệu tỷ đồng, tương đương 50,12% GDP năm 2023 (theo giá hiện hành), chiếm 94% tổng giá trị vốn hóa cổ phiếu niêm yết toàn thị trường.

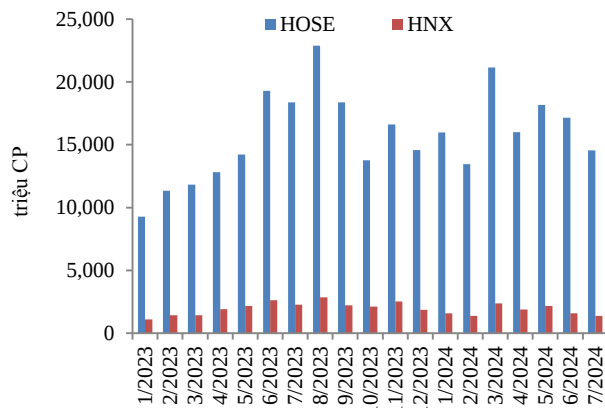
Mức biến động của một số chỉ số chứng khoán chủ chốt tại khu vực Châu Á



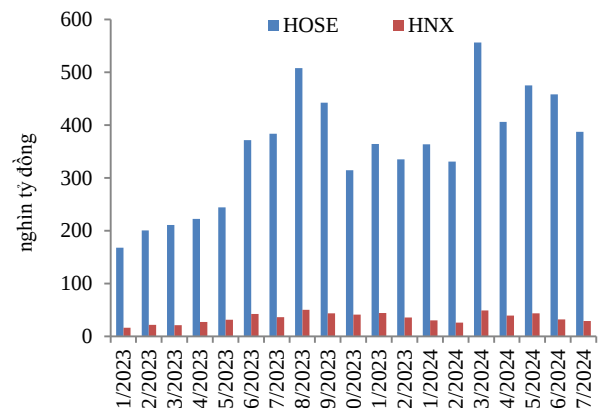
Nguồn: Bloomberg

Thanh khoản thị trường cổ phiếu tháng Bảy có diễn biến giảm cả về khối lượng và giá trị giao dịch. Tính chung trên cả hai sàn HOSE và HNX, tổng khối lượng giao dịch giảm gần 15% so với tháng trước đạt 15,93 tỷ cổ phiếu và tổng giá trị giao dịch giảm 15,04% xuống còn 416,5 nghìn tỷ đồng.

Khối lượng giao dịch (1/2023 – 7/2024)

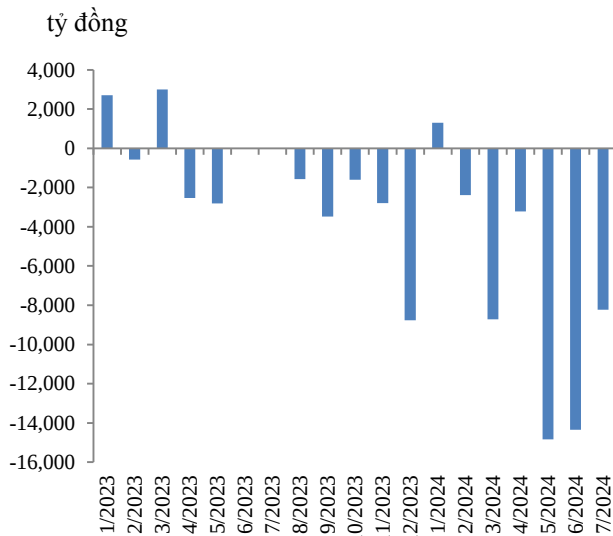


Giá trị giao dịch (1/2023 – 7/2024)

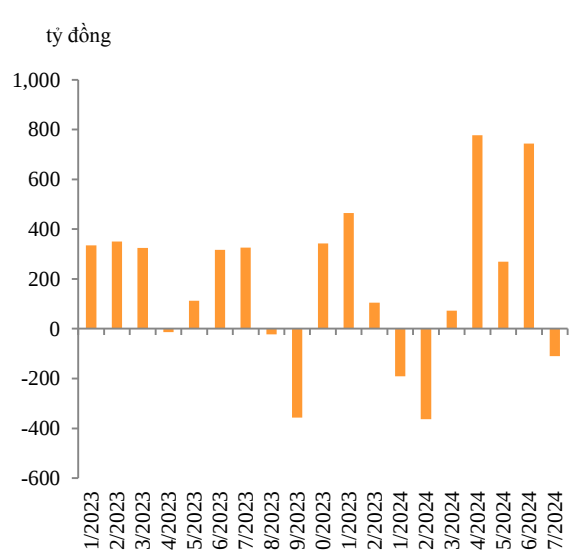


Nguồn: stockbiz.vn

Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HOSE (1/2023 – 7/2024)



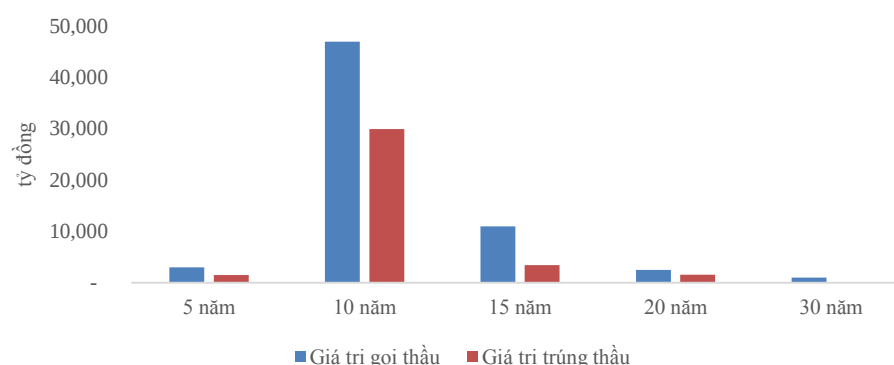
Khối ngoại mua bán ròng trên sàn HNX (1/2023 – 7/2024)



Nguồn: stockbiz.vn

Trong tháng Bảy, Kho bạc Nhà nước huy động thành công 36.512 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ qua đấu thầu với tổng giá trị gọi thầu là 64.500 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 56,6%, thấp hơn so với mức 68,5% của tháng trước.

Giá trị trúng thầu và gọi thầu trái phiếu Chính phủ các kỳ hạn

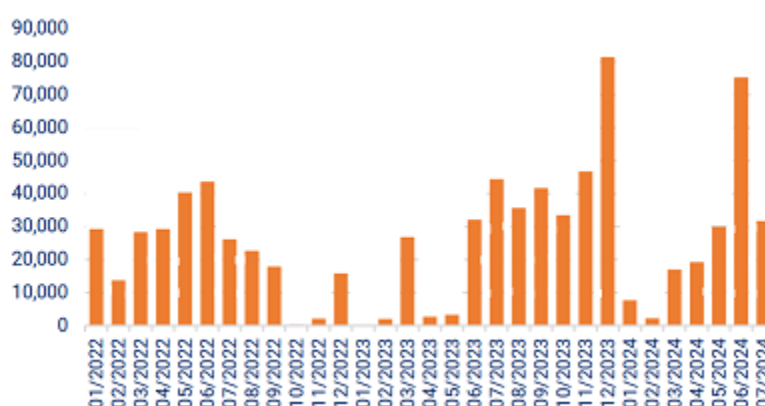


Nguồn: hnx.vn

Lãi suất trúng thầu của trái phiếu Chính phủ tăng trong khoảng 0,08 – 0,09 điểm phần trăm so với tháng trước. Hiện lãi suất trúng thầu trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm trong khoảng 1,9% – 1,94%/năm, kỳ hạn 10 năm trong khoảng 2,74% – 2,76%/năm, kỳ hạn 15 năm trong khoảng 2,95% – 2,96%/năm, kỳ hạn 20 năm là 2,98%/năm và kỳ hạn 30 năm là 3,1%/năm.

Theo số tổng hợp từ HNX và SSC, trong tháng Bảy có 33 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 31.387 tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 395 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến nay, có 175 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 168.433 tỷ đồng và 12 đợt phát hành ra công chúng trị giá 14.586 tỷ đồng. Trong số các đợt phát hành riêng lẻ, các trái phiếu đã được xếp hạng tín nhiệm chiếm 7% giá trị.

Giá trị phát hành TPDN theo tháng



Nguồn: Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam